

Số/No.: 07A/CV-TCG-O.LG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026  
Ho Chi Minh City, Jan 29<sup>th</sup>, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: - State Securities Commission of Viet Nam;  
- Vietnam Stock Exchange;  
- Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CTCP DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG  
*Name of organization: THANH CONG TEXTILE GARMENT – INVESTMENT – TRADING JSC*
- Mã chứng khoán/Stock code: TCM
  - Địa chỉ: 36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
*Address: 36 Tay Thanh Str., Tay Thanh ward, Ho Chi Minh City*
  - Điện thoại liên hệ/Tel.: 028 38 153 962
  - E-mail: tcm@thanhcong.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

TCM công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 theo quy định pháp luật hiện hành.

*TCM disclosed Report on Corporate Governance of 2025 of the Company complying with applicable laws.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/01/2026 tại đường dẫn <https://www.thanhcong.com.vn/vi/cong-bo-thong-tin-dn/> This information was published on the company's website on Jan 29<sup>th</sup>, 2026, as in the link <https://www.thanhcong.com.vn/vi/cong-bo-thong-tin-dn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo quản trị Công ty năm 2025/ Report on Corporate Governance of 2025

Đại diện tổ chức  
Organization representative  
Người UQ CBTT – Giám đốc tài chính  
Person authorized to disclose information – Chief of Finance



NGUYỄN MINH HẢO

Phụ lục V  
Appendix V  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CTCP DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**  
**THANH CONG TEXTILE GARMENT INVESTMENT TRADING JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: 07/2026/BCQT-TCG-HĐQT  
No: 07/2026/BCQT-TCG-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026  
Hochiminh city, Jan 29<sup>th</sup>, 2026

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(năm 2025)/(year 2025)**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.  
**Attention To:** - The State Securities Commission;  
- The Hochiminh Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG/ THANH CONG TEXTILE GARMENT INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: số 36 Tây Thạnh, P. Tây Thạnh, TP.HCM/ No.36, Tay Thanh Street, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại/Telephone: (028) 3815.3692 Fax: (028) 3815.2757
- Email: tcm@thanhcong.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: 1.121.392.050.000 đồng/ VND 1,121,392,050,000
- Mã chứng khoán/Stock symbol: TCM
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director and Audit Committee affiliated to the Board of Directors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/The implementation of internal audit: has been implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments): Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo hình thức trực tiếp nhằm quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều lệ Công ty, cụ thể như sau: In 2025, the Company had organized 01 offline Annual General Meeting of Shareholders aim to make decisions for agendas belong to authority of General Meeting of Shareholders in accordance with Company's Charter, specific as follows:

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết<br>định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------|--------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2025/NQ-ĐHCD                                        | 18/04/2025   | <p>Thông qua các báo cáo và tờ trình:<br/> <i>Adopt reports and proposals submitted to GSM:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.<br/> <i>To adopt a report on 2024 performance and 2025 plan.</i></li> <li>- Thông qua báo cáo hoạt động Hội đồng Quản trị năm 2024 và tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.<br/> <i>To adopt Report on the operation of BOD in 2024 and implementation of 2024 GSM's Resolutions.</i></li> <li>- Thông qua báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán và hoạt động của thành viên HĐQT độc lập năm 2024.<br/> <i>To adopt Report of operation of Audit Committee and operation of Independent BOD members in 2024.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.<br/> <i>To adopt Audited Financial Statement in the fiscal year 2024.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2023, điều chỉnh cổ tức và trích lập quỹ năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2025.<br/> <i>To approve the report on the profit distribution result of 2023 profit distribution &amp; adjustment for the 2024 and 2025 plan.</i></li> <li>- Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.<br/> <i>To authorize BOD to select an auditor in the fiscal year 2025.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo thanh toán thù lao HĐQT, thu nhập Ban Giám đốc năm 2024.<br/> <i>To adopt the Report of payment BOD's compensation, and wages of Board of Management in 2024.</i></li> <li>- Thông qua Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT năm 2025.<br/> <i>To adopt a Plan for compensation of BOD in 2025.</i></li> </ul> |
| 2          | 02/2025/NQ-ĐHCD                                        | 18/04/2025   | <p>Thông qua việc thưởng cổ phiếu năm 2024 – phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.<br/> <i>To approve issuing bonus shares for the year 2024 – issue new shares to increase share capital from owner's equity.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3          | 03/2025/NQ-ĐHCD                                        | 18/04/2025   | <p>Tăng vốn điều lệ từ 1.019.554.820.000 VNĐ lên 1.121.409.850.000 VNĐ do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.<br/> <i>To increase charter capital from the amount of VND 1,019,554,820,000 to 1,121,409,850,000 VND by issuing new shares to increase share capital from owner's equity.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

## II. Hội đồng quản trị năm 2025/ Board of Directors in 2025

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors: theo qui định Điều lệ Công ty và được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 06/04/2021, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của Công ty trong thời kỳ từ năm 2021 đến năm 2026 là 9 thành viên, bao gồm 3 thành viên độc lập, 3 thành viên không điều hành và 3 thành viên điều hành. Trong năm 2025, cơ cấu nhân sự HĐQT không có sự thay đổi so với Báo cáo quản trị năm 2024, cụ thể như sau: / the specific number of BOD in the period 2021 – 2026 is 9, in accordance with the Company's Charter and approved by Annual GSM 2021 on April 6<sup>th</sup>, 2021. The structure of BOD includes 9 members, in which 03 independent members, 03 non - executive members, 03 executive members. In 2025, BOD's member status is not changed compared to the Corporate Governance Report in the year 2024, details as hereto:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members | Chức vụ/ Position<br>(TVHĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành,<br>TVHĐQT điều hành)<br>(Independent member of the BOD, Non-executive member of the BOD, Executive member of the BOD) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                                                      |                                      |
|------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                              |                                                                                                                                                                                     | Ngày bổ nhiệm lần đầu<br>Date of initial appointment                                                                            | Ngày bổ nhiệm gần nhất<br>Date of latest appointment | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông Trần Như Tùng<br>Mr. Tran Nhu Tung       | Chủ tịch/Chairman<br>Thành viên HĐQT điều hành<br>Executive member of the Board of Directors                                                                                        | 29/04/2011                                                                                                                      | 06/04/2021                                           |                                      |
| 2          | Ông Park Heung Su<br>Mr. Park Heung Su       | Phó Chủ tịch/Vice Chairman<br>Thành viên độc lập<br>Independent member of the Board of Directors                                                                                    | 06/04/2021                                                                                                                      | 06/04/2021                                           |                                      |
| 3          | Ông Lee Eun Hong<br>Mr. Lee Eun Hong         | Ủy viên/Member<br>Thành viên HĐQT không điều hành<br>Non-executive member of the Board of Directors                                                                                 | 25/04/2009                                                                                                                      | 06/04/2021                                           |                                      |
| 4          | Bà Nguyễn Minh Hào<br>Mrs. Nguyen Minh Hao   | Ủy viên/Member<br>Thành viên HĐQT điều hành<br>Executive member of the Board of Directors                                                                                           | 17/04/2010                                                                                                                      | 06/04/2021                                           |                                      |
| 5          | Ông Nguyễn Văn Nghĩa<br>Mr. Nguyen Van Nghia | Ủy viên/Member<br>Thành viên HĐQT không điều hành<br>Non-executive member of the Board of Directors                                                                                 | 06/04/2021                                                                                                                      | 06/04/2021                                           |                                      |
| 6          | Ông Song Jae Ho<br>Mr. Song Jae Ho           | Ủy viên/Member<br>Thành viên HĐQT điều hành<br>Executive member of the Board of Directors                                                                                           | 05/04/2024                                                                                                                      | 05/04/2024                                           |                                      |
| 7          | Ông Kim Jong Gak<br>Mr. Kim Jong Gak         | Thành viên độc lập<br>Independent Member of the Board of Directors                                                                                                                  | 06/04/2021                                                                                                                      | 06/04/2021                                           |                                      |

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members | Chức vụ/ Position<br>(TVHĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành,<br>TVHĐQT điều hành)<br>(Independent member of the BOD, Non-executive member of the BOD, Executive member of the BOD) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                                                      |                                      |
|------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                              |                                                                                                                                                                                     | Ngày bổ nhiệm lần đầu<br>Date of initial appointment                                                                            | Ngày bổ nhiệm gần nhất<br>Date of latest appointment | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 8          | Ông Đinh Tấn Tường<br>Mr. Dinh Tan Tuong     | Thành viên độc lập<br>Independent Member of the Board of Directors                                                                                                                  | 06/04/2021                                                                                                                      | 06/04/2021                                           |                                      |
| 9          | Ông Kim Soung Gyu<br>Mr. Kim Soung Gyu       | Thành viên HĐQT không điều hành<br>Non-executive member of the Board of Directors                                                                                                   | 30/06/2023                                                                                                                      | 30/06/2023                                           |                                      |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors: theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, các cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ hàng năm trước thời điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên và định kỳ hàng quý, ngoài ra HĐQT còn họp đột xuất khi cần giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT có thể tổ chức cuộc họp trực tiếp với sự tham dự của các thành viên HĐQT hoặc có thể họp qua điện thoại hoặc bằng hình thức khác theo qui định Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT miễn là phải đảm bảo các thành viên dự họp có thể phát biểu ý kiến hoặc gửi ý kiến bằng văn bản để các thành viên khác nghe được lời phát biểu hoặc đọc ý kiến một cách đồng thời / According to the Company's Charter and the BOD' operation regulation, BOD meetings are held annually before the annual GSM and quarterly. In addition, the BOD also convenes extraordinary meetings when it is necessary to resolve issues belong the authority of the BOD. The BOD could hold an in-person meeting with the participation of the BOD's member or hold a meeting by phone or in other forms according to the provisions of the Company's Charter as long as ensure that the members attending the meeting can speak or send opinions in written in order to other BOD's member can hear or read opinions simultaneously.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tham dự các cuộc họp HĐQT và một cuộc họp ĐHCĐ như sau:

In 2025, there were 11 BOD's meetings, BOD's member had attended the BOD meetings and 01 GSM as follows:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Director'<br>member | Các cuộc họp HĐQT/ BOD's Meeting                                               |                                      |                                                                                                                                                                        | Dự họp ĐHCĐ<br>GSM attendance |
|------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|            |                                                  | Số buổi họp HĐQT tham dự/<br>Number of meetings attended by Board of Directors | Tỷ lệ tham dự họp<br>Attendance rate | Lý do không tham dự họp/<br>Reasons for absence                                                                                                                        |                               |
| 1          | Ông Trần Như Tùng<br>Mr. Tran Nhu Tung           | 11/11                                                                          | 100%                                 |                                                                                                                                                                        | 1/1                           |
| 2          | Ông Park Heung Su<br>Mr. Park Heung Su           | 11/11                                                                          | 100%                                 |                                                                                                                                                                        | 0/1                           |
| 3          | Ông Lee Eun Hong<br>Mr. Lee Eun Hong             | 9/11                                                                           | 82%                                  | Bận công tác và ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác dự họp và biểu quyết thay/<br>Was absent due to business trip and provided POA for another BOD join and vote instead | 0/1                           |
| 4          | Bà Nguyễn Minh Hào                               | 11/11                                                                          | 100%                                 |                                                                                                                                                                        | 1/1                           |

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Director'<br>member | Các cuộc họp HĐQT/ BOD's Meeting                                               |                                      |                                                                                                                                                                        | Dự họp ĐHCĐ<br>GSM attendance |
|------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|            |                                                  | Số buổi họp HĐQT tham dự/<br>Number of meetings attended by Board of Directors | Tỷ lệ tham dự họp<br>Attendance rate | Lý do không tham dự họp/<br>Reasons for absence                                                                                                                        |                               |
|            | Mrs. Nguyen Minh Hao                             |                                                                                |                                      |                                                                                                                                                                        |                               |
| 5          | Ông Nguyễn Văn Nghĩa<br>Mr. Nguyen Van Nghia     | 9/11                                                                           | 82%                                  | Bận công tác và ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác dự họp và biểu quyết thay/<br>Was absent due to business trip and provided POA for another BOD join and vote instead | 1/1                           |
| 6          | Ông Song Jae Ho<br>Mr. Song Jae Ho               | 11/11                                                                          | 100%                                 |                                                                                                                                                                        | 1/1                           |
| 7          | Ông Kim Jong Gak<br>Mr. Kim Jong Gak             | 10/11                                                                          | 91%                                  | Bận công tác và ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác dự họp và biểu quyết thay/<br>Was absent due to business trip and provided POA for another BOD join and vote instead | 0/1                           |
| 8          | Ông Đinh Tấn Tường<br>Mr. Dinh Tan Tuong         | 11/11                                                                          | 100%                                 |                                                                                                                                                                        | 1/1                           |
| 9          | Ông Kim Soung Gyu<br>Mr. Kim Soung Gyu           | 10/11                                                                          | 91%                                  | Bận công tác và ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác dự họp và biểu quyết thay/<br>Was absent due to business trip and provided POA for another BOD join and vote instead | 0/1                           |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng giám đốc thông qua các hoạt động như sau:

*The BOD has supervised on management, controlling Company by General Director through following activities:*

- Hàng tháng, Tổng giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động Công ty và kế hoạch sắp tới đề HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty. Đồng thời, Công ty tiến hành cập nhật bản tin hàng tháng trên website để cung cấp kịp thời thông tin hoạt động cho cổ đông cũng như nâng cao tính minh bạch, tăng cường hiệu quả giám sát của cổ đông đối với việc triển khai các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như qui định pháp luật hiện hành.

*Monthly, General Director reported the performance and plan of Company for BOD in order to follow up and supervise activities and operations of Company. Additionally, the Company updates its monthly newsletter on the website to provide timely information on its operations to shareholders, thereby enhancing transparency and the effectiveness of shareholder supervision over the implementation of decisions and resolutions of the General Meeting of Shareholders, as well as compliance with applicable laws and regulations.*

- Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, ngoài ra HĐQT còn có thêm 02 thành viên tham gia điều hành nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo Tổng giám đốc không lạm quyền, không vượt quá phạm vi thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.

*In addition, General Director is also a BOD's member, and there're 2 executive BOD member so the supervision of BOD in respect to General Director regarding complying resolution, decision of GSM and BOD is executed strictly. It's assured that General Director does not misuse or over his authority according to Company Charter and laws & regulations.*

- Ủy Ban Kiểm Toán trực thuộc HĐQT đã được thành lập từ năm 2018, cơ cấu hiện hành gồm 3 thành viên độc lập với chuyên môn về kế toán, kiểm toán, pháp luật và nghiên cứu phát triển nguyên liệu sản phẩm may nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của HĐQT. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm toán nội bộ là một yếu tố hỗ trợ hiệu quả cho UBKT trong việc thực hiện chức năng giám sát nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

*The Audit Committee affiliated to BOD was established from 2018, it's current structure including 03 independent members of BOD who have expertise in accounting, auditing, law, and research and development of textile raw materials to enhance efficiency of BOD, In addition, the operating of internal audit is an effective supporting factor for the Audit Committee to implement its function aim to improve the management of BOM.*

- Với những kết quả đạt được trong năm 2025, trong tình hình bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ chính sách thuế đối ứng của Mỹ từ tháng 4/2025 làm cho đơn hàng Quý 3/2025 bị sụt giảm, bên cạnh đó, tác động của lạm phát, lãi suất và các cuộc xung đột địa chính trị trên thế giới cũng làm giảm sức mua ở một số thị trường trọng điểm, HĐQT ghi nhận Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực để vượt qua các khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.

*With the results achieved in 2025, in the situation severely affected by U.S reciprocal tax policy from April 2025, which led to a decline in order in the 3<sup>rd</sup> Quarter/2025, and in addition the global recession under the impact of inflation, interest rate, geopolitical conflicts in the world that have reduced purchasing power in certain key matters, the BOD recognized that General Director and Board of Management had made efforts to overcome difficulties affecting production and business activities, complying with current laws and operating regulation of the Company.*

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):**

Hoạt động của Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT trong năm 2025 như sau: tập trung xem xét và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025; giám sát việc kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 để HĐQT trình duyệt Đại hội cổ đông thường niên năm 2025; xem xét đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 để HĐQT quyết định theo ủy quyền của ĐHCĐ 2025; xem xét, góp ý hợp đồng kiểm toán với đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính nhằm đảm bảo tính độc lập, minh bạch của phạm vi kiểm toán.

*Audit Committee under BOD conducted the following activities in the year 2025 as follows: to focus on oversight of the internal audit plan in 2025; oversee the independent audit company conducted auditing the financial statement in the fiscal year 2024 submitting to the Annual General Shareholders' Meeting in 2025; review and provide opinion to BOD selecting the independent audit for the financial statements in the fiscal year 2025 in accordance with the authorization of the Annual General Shareholders' Meeting in 2025.*

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025/Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025; reviewing, providing comments on the audit engagement contract with the independent audit for the financial statement to ensure the independence and transparency of the audit scope:**

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate                                       |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2025/NQ-HĐQT                                      | 26/02/2025   | - Thông qua nguyên tắc và danh sách các bên có liên quan thực hiện giao dịch với Công ty trong năm tài chính 2025.<br><i>Adoption of the principle for and a list of related parties to conduct transactions with the Company in the fiscal year 2025.</i> | 100%, riêng các thành viên HĐQT có liên quan không có quyền biểu quyết |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate                                                                                                                                                                                       |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                      |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kết quả hoạt động năm 2024 chưa kiểm toán và chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 trình ĐHCĐ thường niên 2025;<br/><i>Adoption on 2024 result (not audited) and setting 2025 target which will be submitted to 2025 AGM</i></li> <li>Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 18/03/2025 để: (i) thanh toán đợt 1 cổ tức 2024 và (ii) tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025<br/><i>Approval on the final registration date (closing date) on 18th March 2025 aim to: (i) to settle the first payment of 2024 dividend amount; and (ii) To organize the 2025 AGM</i></li> </ul>                                               | nội dung về danh sách các bên có liên quan thực hiện giao dịch với Công ty/<br><i>the non-voting right is applied for the related BOD regarding a list of related parties to conduct transactions with the Company</i> |
| 2          | 1A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 26/02/2025   | <p>Quyết định của HĐQT để công bố thông tin/ <i>Decision of BOD for the purpose of public announcement:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua nguyên tắc và danh sách các bên có liên quan thực hiện giao dịch với Công ty trong năm tài chính 2025.<br/><i>Adoption of the principle for and a list of related parties to conduct transactions with the Company in the fiscal year 2025.</i></li> <li>Thông qua kết quả hoạt động năm 2024 chưa kiểm toán và chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 trình ĐHCĐ thường niên 2025;<br/><i>Adoption on 2024 result (not audited) and setting 2025 target which will be submitted to 2025 AGM</i></li> </ul> | 100%                                                                                                                                                                                                                   |
| 3          | 1B/2025/QĐ-HĐQT                                      | 26/02/2025   | <p>Quyết định của HĐQT để công bố thông tin về việc thông qua ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 18 tháng 3 năm 2025 để (i) thanh toán đợt 1 cổ tức 2024 và (ii) tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025.<br/><i>Decision of BOD for the purpose of public announcement on the Approval on the final registration date (closing date) on 18<sup>th</sup> Mar, 2025 aims to (i) to settle the first payment of 2024 dividend amount; and (ii) To organize the 2025 AGM.</i></p>                                                                                                                                                                                              | 100%                                                                                                                                                                                                                   |
| 4          | 02/2025/NQ-HĐQT                                      | 26/02/2025   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định tổng vốn đầu tư thực tế và vốn góp thực hiện dự án TC Tower căn cứ theo chấp thuận chủ trương đầu tư được thông qua bởi ĐHCĐ theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 01/11/2024.<br/><i>To decide the total actual investment amount and capital contribution to implement the TC Tower project according to the principle investment approval by GSM in Resolution No.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                           | 100%                                                                                                                                                                                                                   |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|            |                                                      |              | <p>04/2024/NQ-DHCD dated November 1st, 2024</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH TC Tower thêm 223.000.000.000 đồng bằng cách góp thêm tiền mặt;</li> </ul> <p>To increase the charter capital of TC Tower Co., Ltd by a sum of VND 223,000,000,000 by additional contribution by cash.</p>                                                                                                                                                                                                         |                                  |
| 5          | 1C/2025/QĐ-HĐQT                                      | 26/02/2025   | <p>Quyết định của HĐQT để công bố thông tin về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH TC Tower thêm 223.000.000.000 đồng bằng cách góp thêm tiền mặt.</p> <p>Decision of BOD for the purpose of public announcement on increasing the charter capital of TC Tower Co., Ltd by a sum of VND 223,000,000,000 by additional contribution by cash.</p>                                                                                                                                                                                          | 100%                             |
| 6          | 03/2025/NQ-HĐQT                                      | 28/02/2025   | <p>Thông qua việc điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 20/03/2025 để: (i) thanh toán đợt 1 cổ tức 2024 và (ii) tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025</p> <p>Approval on revision the final registration date (closing date) on 20th March 2025 aim to: (i) to settle the first payment of 2024 dividend amount; and (ii) To organize the 2025 AGM.</p>                                                                                                                                                                                    | 100%                             |
| 7          | 2A/2025/NQ-HĐQT                                      | 28/02/2025   | <p>Quyết định của HĐQT để công bố thông tin về việc thông qua điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 20 tháng 3 năm 2025 để (i) thanh toán đợt 1 cổ tức 2024 và (ii) tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025.</p> <p>Decision of BOD for the purpose of public announcement on the revision of final registration date (closing date) on 20<sup>th</sup> Mar, 2025 aims to (i) to settle the first payment of 2024 dividend amount; and (ii) To organize the 2025 AGM</p>                                                                     | 100%                             |
| 8          | 04/2025/NQ-HĐQT                                      | 14/03/2025   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc nộp lại Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000794 ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Công ty TNHH TC Tower</li> </ul> <p>Approval on return the Investment Certificate No. 411022000794 dated Oct 31st, 2014 of TC Tower Company Limited.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư TC Tower theo Luật đầu tư 2020.</li> </ul> <p>Approval on implementation the TC Tower project continuously in accordance with Law on Investment 2020;</p> | 100%                             |
| 9          | 3A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 14/03/2025   | <p>Quyết định của HĐQT để thực hiện thủ tục pháp lý cho việc nộp lại Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000794 ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Công ty TNHH TC Tower và thực hiện thủ tục dự án đầu tư.</p> <p>Decision of BOD for the purpose of legal formalities of return the Investment Certificate No. 411022000794 dated Oct 31st, 2014 of TC Tower Company Limited and implementation the TC</p>                                                                                                                                         | 100%                             |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|---------|------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|         |                                                      |              | <i>Tower project continuously.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                  |
| 10      | 3B/2025/QĐ-HĐQT                                      | 25/04/2025   | Quyết định của HĐQT để thực hiện thủ tục pháp lý cho việc nộp lại Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000794 ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Công ty TNHH TC Tower.<br><i>Decision of BOD for the purpose of legal formalities of return the Investment Certificate No. 411022000794 dated Oct 31st, 2014 of TC Tower Company Limited.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100%                             |
| 11      | 05/2025/NQ-HĐQT                                      | 20/03/2025   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Chương trình nghị sự ĐHCĐ thường niên 2025 gồm 07 nội dung thường kỳ;<br/><i>Determination of agenda for AGM 2025 submission including 07 regular topics.</i></li> <li>- Thông qua nội dung chính các báo cáo, tờ trình trình ĐHCĐ 2025;<br/><i>Confirmation of primary contents of reports, and proposals submitted to AGM 2025</i></li> <li>- Thông qua việc gia hạn khoản vay của TC Commerce nhận từ cổ đông Eland Asia Holdings.<br/><i>Approval on the extended loan terms provided to TC Commerce by the shareholder E-Land Asia Holdings.</i></li> </ul> | 100%                             |
| 12      | 4A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 20/03/2025   | Quyết định của HĐQT để công bố thông tin gia hạn khoản vay của TC Commerce nhận từ cổ đông Eland Asia Holdings.<br><i>Decision of BOD for the purpose of public announcement of extension loan term provided to TC Commerce by the shareholder E-Land Asia Holdings.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100%                             |
| 13      | 06/2025/NQ-HĐQT                                      | 31/03/2025   | Thông qua việc điều chỉnh mức lương Tổng Giám đốc - ông Song Jae Ho áp dụng từ tháng 3/2025.<br><i>Approval on adjustment the monthly salary amount of General Director – Mr. Song Jae Ho, the effective time is from Mar, 2025.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100%                             |
| 14      | 07/2025/NQ-HĐQT                                      | 06/05/2025   | Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (thường cổ phiếu năm 2024) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2025.<br><i>Approval on the execution of issuing new shares to increase share capital from owner's equity (issuing bonus shares in the year 2024) based on Resolution no.02/2025/NQ-ĐHCĐ by the Annual General Shareholders' Meeting in 2025 dated 18th April 2025.</i>                                                                                           | 100%                             |
| 15      | 5A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 06/05/2025   | Quyết định của HĐQT để công bố thông tin thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (thường cổ phiếu năm 2024) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2025.<br><i>Decision of BOD for the purpose of public announcement of approval on the execution of issuing new shares to increase share capital from owner's equity (issuing bonus shares in the year 2024)</i>                                                                                                          | 100%                             |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|---------|------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|         |                                                      |              | <i>based on Resolution no.02/2025/NQ-DHCD by Annual General Shareholders' Meeting in 2025 dated 18th April 2025.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                  |
| 16      | 5B/2025/QĐ-HĐQT                                      | 26/05/2025   | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10 tháng 06 năm 2025 nhằm phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu<br><i>Approval on the final registration (closing date) on June 10th, 2025 aim to issue bonus share for the year 2024 – issue new share to increase share capital from owner's equity</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 100%                             |
| 17      | 5C/2025/QĐ-HĐQT                                      | 16/06/2025   | Quyết định của HĐQT để thực hiện thủ tục pháp lý cho việc tăng vốn điều lệ đối với đợt phát hành 10% cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.<br><i>Decision of BOD for the purpose of legal formalities of increasing charter capital regarding to issues new share 10% to increase share capital from owner's equity</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100%                             |
| 18      | 08/2025/NQ-HĐQT                                      | 03/06/2025   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kết quả bầu ông Trần Như Tùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và ông Park Heung Su giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2026.<br/><i>Approval on the election of Mr. Tran Nhu Tung as Chairman of the Board and Mr. Park Heung Su as Vice Chairman of the Board for the term 2025 – 2026.</i></li> <li>Lựa chọn Công ty PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PwC) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.<br/><i>To select PricewaterhouseCoopers Vietnam (PwC) to be independent auditors for financial statement in 2025.</i></li> <li>Thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2025 của UBKT.<br/><i>Approval on Working plan 2025 of Audit Committee.</i></li> </ul>                                                                            | 100%                             |
| 19      | 09/2025/NQ-HĐQT                                      | 11/08/2025   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc gia hạn hai khoản vay của TC Commerce nhận từ cổ đông Eland Asia Holdings<br/><i>Approval on the extended two loan terms provided to TC Commerce by the shareholder E-Land Asia Holdings</i></li> <li>Thông qua giao dịch chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu 186.615 hiện Công ty đang nắm giữ tại Công ty cổ phần dệt may Huế (mã chứng khoán: HDM)<br/><i>Approval on transferring all number of shares issued 186,615 by Hue textile garment joint stock Company (sticker: HDM)</i></li> <li>Thông qua việc lựa chọn Công ty cổ phần DBFS là đối tác cung cấp dịch vụ tư vấn phát triển dự án TC Tower.<br/><i>Approval on selecting DBFS JSC to be the partner to assist and consult to develop the TC Tower project.</i></li> </ul> | 100%                             |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 20         | 6A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 11/08/2025   | Quyết định của HĐQT để công bố thông tin gia hạn hai khoản vay của TC Commerce nhận từ cổ đông Eland Asia Holdings.<br><i>Decision of BOD for the purpose of public announcement of extension two loan terms provided to TC Commerce by the shareholder E-Land Asia Holdings.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 100%                             |
| 21         | 10/2025/NQ-HĐQT                                      | 23/10/2025   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua mẫu dấu mới của Công ty có hiệu lực từ ngày 27/10/2025;<br/><i>Approval on the new seal of the Company effective from Oct 27th, 2025</i></li> <li>Thông qua việc bổ nhiệm ông Song Jae Ho – Tổng Giám đốc trở thành người đứng đầu chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành, mã số chi nhánh: 0301446221 – 006 thay thế cho ông Phan Văn Đẹp Em;<br/><i>To appoint Mr. Song Jae Ho – General Director of the Company as the Head of Branch of Thanh Cong Textile Garment – Investment – Trading JSC, branch number: 0301446221 – 006 to replace for Mr. Phan Van Dep Em.</i></li> <li>Thông qua việc bổ nhiệm ông Song Jae Ho – Tổng Giám đốc trở thành người đứng đầu chi nhánh tại Vĩnh Long Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành, mã số chi nhánh: 0301446221 – 016 thay thế cho ông Kim MyeongRae.<br/><i>To appoint Mr. Song Jae Ho – General Director of the Company as the Head of Vĩnh Long Branch of Thanh Cong Textile Garment – Investment – Trading JSC, branch number: 0301446221 – 016 to replace for Mr. Kim MyeongRae;</i></li> </ul> | 100%                             |
| 22         | 7A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 23/10/2025   | Quyết định của HĐQT để công bố thông tin mẫu dấu mới của Công ty có hiệu lực từ ngày 27/10/2025.<br><i>Decision of BOD for the purpose of public announcement of the new seal of the Company effective from Oct 27th, 2025.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100%                             |
| 23         | 8A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 23/10/2025   | <p>Quyết định của HĐQT để thực hiện thủ tục pháp lý cho việc bổ nhiệm ông Song Jae Ho – Tổng Giám đốc trở thành người đứng đầu chi nhánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành, mã số chi nhánh: 0301446221 – 006 thay thế cho ông Phan Văn Đẹp Em;</li> <li>Chi nhánh tại Vĩnh Long Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành, mã số chi nhánh: 0301446221 – 016 thay thế cho ông Kim MyeongRae.</li> </ul> <p><i>Decision of BOD for the purpose of legal formalities of appointment Mr. Song Jae Ho – General Director of the Company as the Head of Branch:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>Branch of Thanh Cong Textile Garment – Investment – Trading JSC, branch number: 0301446221 – 006 to replace for Mr. Phan Van Dep Em;</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                             |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|---------|------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|         |                                                      |              | - Vinh Long Branch of Thanh Cong Textile Garment – Investment – Trading JSC, branch number: 0301446221 – 016 to replace for Mr. Kim MyeongRae.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                  |
| 24      | 11/2025/NQ-HĐQT                                      | 23/10/2025   | Thông qua việc chuyển hai khoản công nợ khó đòi phát sinh từ năm 2018 của Sears, Roebuck and Co và Kmart Corporation sang theo dõi ngoại bảng;<br><i>Approval on moving two overdue account receivables of Sears, Roebuck and Co and Kmart Corporation arising since 2028 from the balance sheet to Off – balance sheet;</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                             |
| 25      | 12/2025/NQ-HĐQT                                      | 10/12/2025   | Thông ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 07 tháng 01 năm 2026 nhằm các mục đích: (i) Thanh toán đợt 1 cổ tức 2025; (ii) Cổ đông thực hiện quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ 2026 – 2031 để tiến bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026; (iii) Lấy ý kiến cổ đông bản văn bản để thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 -2031 và cơ chế, cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử bổ sung trong trường hợp cổ đông đề cử không đủ số lượng ứng viên;<br><i>Approval on the final registration date (closing date) on 7th January 2021 aim to: (i) To proceed to settlement the 1st payment of 2025 dividend; (ii) To conduct right of shareholders for nomination BOD's candidate in the tenure 2026 -2031 which shall be elected at the General Shareholder' Meeting 2026; (iii) To collect written opinion of shareholders for number of BOD in the tenure 2026-2031 and criteria, method of additional nomination of incumbent BOD in te event of nomination by shareholders is insufficient.</i>                                           | 100%                             |
| 26      | 9A/2025/QĐ-HĐQT                                      | 10/12/2025   | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng là ngày 07 tháng 01 năm 2026 nhằm các mục đích:<br>(i) Thanh toán đợt 1 cổ tức 2025;<br>(ii) Cổ đông thực hiện quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ 2026 – 2031 để tiến bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026;<br>(iii) Lấy ý kiến cổ đông bản văn bản để thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 -2031 và cơ chế, cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử bổ sung trong trường hợp cổ đông đề cử không đủ số lượng ứng viên<br><i>Approval on the final registration (closing date) on Jan 07<sup>th</sup>, 2026 aim to:</i><br>(i) <i>To proceed to settlement the 1st payment of 2025 dividend;</i><br>(ii) <i>To conduct right of shareholders for nomination BOD's candidate in the tenure 2026 - 2031 which shall be elected at the General Shareholder' Meeting 2026;</i><br>(iii) <i>To collect written opinion of shareholders for number of BOD in the tenure 2026-2031 and criteria, method of additional nomination of incumbent BOD in te event of nomination by shareholders is insufficient.</i> | 100%                             |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tỷ lệ thông qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 27      | 13/2025/NQ-HĐQT                                             | 10/12/2025          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia hạn hạn mức tín dụng năm 2026;<br/><i>Renewal credit limitation 2026.</i></li> <li>- Thông qua việc điều chỉnh thông tin tài sản đảm bảo của Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số VN121000995 ngày 18/05/2021 với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn;<br/><i>Approval on the adjustment of the secured asset information under the Corporate Credit Agreement No. VN121000995 dated 18 May 2021 with Woori Bank Vietnam Limited – Saigon Branch</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100%                                    |
| 28      | 14/2025/NQ-HĐQT                                             | 31/12/2025          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nội dung chính các tài liệu thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026.<br/><i>Confirmation of the primary contents of material submitted to collect shareholder's opinion in written 2026.</i></li> <li>- Thông qua việc sử dụng phương thức biểu quyết điện tử để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026.<br/><i>Approval of using the electronic method for collecting shareholders' opinions in writing in 2026.</i></li> <li>- Thông qua nội dung chính hồ sơ thông báo gọi cổ đông thực hiện đề cử ứng viên HĐQT cho thời kỳ 2026 – 2031.<br/><i>Confirmation of the primary contents of the nomination dossier that is sent to shareholders to conduct the nomination of candidates for the BOD member period 2026 -2031.</i></li> </ul> | 100%                                    |

### III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm 2025)/*Audit Committee (Report in 2025):*

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Audit Committee:* UBKT bao gồm 3 thành viên độc lập HĐQT, trong đó Chủ tịch UBKT có chuyên môn về kế toán và hiện đang làm việc trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, cụ thể thông tin các thành viên UBKT gồm/ *Audit Committee includes 03 independent members, in which the expertise of President of Audit Committee is Accounting and is currently working in the independent auditing, specific for detail information of member of Audit Committee as follows:*

| Stt No. | Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Audit Committee</i> | Chức vụ<br><i>Position</i> | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>The date becoming the member of the Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                 |
|---------|------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Đinh Tấn Tường                                                   | Chủ tịch/ <i>President</i> | 06/4/2021                                                                                                 | Thạc sỹ kinh tế - chuyên ngành kế toán<br><i>MBA – major in accounting.</i> |
| 2       | Park Heung Su                                                    | Thành viên/ <i>Member</i>  | 06/4/2021                                                                                                 | Tiến sỹ chuyên ngành nghiên cứu & phát triển công nghệ dệt may              |

|   |              |                    |           |                                                            |
|---|--------------|--------------------|-----------|------------------------------------------------------------|
|   |              |                    |           | Doctor, Ph. D major in R&D textile                         |
| 3 | Kim Jong Gak | Thành viên/ Member | 06/4/2021 | Cử nhân Luật – Luật sư (Hàn Quốc)<br>LL.B – Lawyer (Korea) |

**2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Audit Committee**

| Stt<br>No. | Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br>Members of Audit Committee | Số buổi họp tham dự<br>Number of meetings<br>attended | Tỷ lệ tham dự họp<br>Attendance rate | Tỷ lệ biểu quyết<br>Voting rate | Lý do không tham dự họp<br>Reasons for absence |
|------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|
| 1          | Đinh Tấn Trường                                           | 2                                                     | 100%                                 | 100%                            |                                                |
| 2          | Park Heung Su                                             | 2                                                     | 100%                                 | 100%                            |                                                |
| 3          | Kim Jong Gak                                              | 2                                                     | 100%                                 | 100%                            |                                                |

**3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Audit Committee:**

- UBKT đã thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện các quyết định của ĐHCĐ, tuân thủ qui định Điều lệ, Qui chế quản trị nội bộ thông qua các cuộc họp HĐQT.  
*The Audit Committee oversaw the implementation of GSM's decisions, compliance with the Charter, and Internal Corporate Governance Regulation through BOD's meetings.*
- (i) Trực tiếp theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT;  
*Directly supervising the board activities through meeting, discussion, approval on the Board Resolutions.*
- (ii) Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc  
*Supervising the management activities through implementation of the Board Resolutions as well as the authorization between the BOD and CEO.*
- Đồng thời, UBKT giám sát các hoạt động khác của Công ty thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ, giám sát thông qua kênh tiếp xúc với Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng.  
*Simultaneously, the Audit Committee oversaw other activities of Company through activities of internal audit and through the contacting the Chief Financial Officer, Chief Accountant*

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:**

- HĐQT phân công một thành viên điều hành kiêm Phó Tổng giám đốc là đầu mối cung cấp thông tin cũng như đáp ứng các yêu cầu khác để UBKT hoạt động được thuận lợi nhất.  
*One executive BOD's member is a Deputy General Director is appointed to provide all information as well as communicate with the Audit Committee to facilitate its activities.*
- UBKT đã nhận được sự phối hợp của các đơn vị và các cán bộ quản lý đối với các yêu cầu công việc. Nhìn chung mối quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm toán với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác rất thuận lợi, chưa gặp bất kỳ khó khăn, trở ngại nào trong quá trình làm việc.  
*The Audit Committee received all support and cooperation from relevant departments together with Heads of Department. In summary, the coordination among the Audit Committee with BOD, Board of Management and other Heads of Department has been conveniently without any difficulties or restriction.*

**5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/Other activities of the Audit Committee (if any): Không/ Nil**

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of the Board of Management</i>                              | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                             | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên<br>Ban điều hành/<br><i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Song Jae Ho - Tổng giám đốc<br><i>Mr. Song Jae Ho – General Director</i>                     | 03/12/1977                                  | Kỹ sư Dệt may<br><i>Textile Garment Engineer</i>                        | Ngày bổ nhiệm: 05/3/2024<br><i>Date of appointment: 05 Mar, 2024</i>                                                                   |
| 2          | Ông Trần Như Tùng – Phó Tổng giám đốc<br><i>Mr. Tran Nhu Tung – Deputy General Director</i>      | 15/09/1973                                  | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh<br><i>Master of Business Administration</i> | Ngày bổ nhiệm: 05/11/2019<br><i>Date of appointment: 5 Nov 2019</i>                                                                    |
| 3          | Bà Nguyễn Minh Hào – Giám đốc Tài chính<br><i>Mrs. Nguyen Minh Hao – Chief Financial Officer</i> | 18/03/1973                                  | Thạc sĩ Tài chính<br><i>Master of Finance</i>                           | Ngày bổ nhiệm: 12/07/2021<br><i>Date of appointment: Jul 12<sup>th</sup>, 2021</i>                                                     |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i>                                 | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/ dismissal</i>                 |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| Bà Phạm Thị Thanh Thủy<br><i>Ms. Pham Thi Thanh Thuy</i> | 26/10/1976                                  | Cử nhân kinh tế<br><i>Bachelor or Economics</i>       | Ngày bổ nhiệm: 10/03/2022<br><i>Date of appointment: Mar 10<sup>th</sup>, 2022</i> |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Audit Committee, General Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

- Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty và đã được UBCK NN cấp giấy chứng nhận:  
*Training courses on corporate governance which members of Board of Directors, members of the Audit Committee, General Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance and was certified by SSC:*
  - Bà Nguyễn Minh Hào – Thành viên HĐQT/*member of the Board.*
  - Bà Ngô Thị Quỳnh Mai – Thư ký Công ty kiêm người phụ trách quản trị công ty/*Company Secretary cum person incharge corporate governance.*
- Thư ký Công ty đã tham gia các hội thảo, khóa đào tạo quản trị công ty/*Company Secretary participated in seminar, training courses relating to corporate governance:*
  - Diễn đàn do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức “Vì một mùa Đại hội đồng cổ đông đổi mới” ngày 27/02/2025;  
*The forum organized by the Ho Chi Minh City Stock Exchange titled “For an Innovative General Meeting of Shareholders Season” on February 27, 2025.*
  - Hội thảo: “Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân: Cơ hội nào cho các Doanh nghiệp Niêm yết và Công ty Đại chúng do VIOD tổ chức ngày 6/6/2025;

- The seminar: "Resolution 68-NQ/TW on Private Sector Development: What Opportunities for Listed Enterprises and Public Companies?" organized by VIOD on June 6, 2025;*
- Hội nghị "Tuân thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý các sai sót trong lập Báo cáo tài chính" do Ủy ban chứng khoán tổ chức ngày 20/06/2025;  
*The conference "Compliance with Securities Laws and Common Mistakes in Financial Statement Preparation" organized by the State Securities Commission on June 20, 2025;*
  - Hội thảo "Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean – ACGS – Tiên phong – Cam kết thực hành quản trị công ty theo thông lệ quốc tế" do VIOD tổ chức vào ngày 11/12/2025;  
*The seminar "Asean Corporate governance scorecard – ACGS – Pioneering – Committing to International corporate governance practices" organized by VIOD on Dec 11<sup>th</sup>, 2025*
  - Hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty cổ phần đại chúng ngày 04,05/10/2025 tại Tp. Hồ Chí Minh do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
*To complete the Corporate Governance Program for Public Joint Stock Companies on 04,05/10/2025 in Ho Chi Minh City organized by Center for Scientific Research and Securities Training – State Securities Commission.*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (năm 2025) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (in 2025) and transactions of affiliated persons of the Company)**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty (xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo) /The list of affiliated persons of the Company (refer to Appendix 01 enclosed)

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i> | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i>          | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *,<br/>date of issue,<br/>place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>    | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br><i>Time of<br/>transactions<br/>with the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết /Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu<br>rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No.<br/>approved by General Meeting of<br/>Shareholders/ Board of Directors<br/>(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                           | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                           |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1              | E.Land World<br>Limited                                                   | Chủ sở hữu của<br>cổ đông chiến<br>lược<br><i>The owner is the<br/>strategic<br/>shareholder</i> | 105-81-<br>44184<br>Nơi cấp: Hàn<br>Quốc                                                             | #159, Gasan<br>Digital 1-Ro,<br>Geumcheon-Gu,<br>Seoul, Hàn Quốc | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                              | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction</i> : bán<br>hàng/ <i>Selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount</i> :<br>681,644,474,718<br>VND | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting</i> : năm/<br>year 2010 |
|                |                                                                           |                                                                                                  |                                                                                                      |                                                                  |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                 | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction</i> : mua<br>hàng/ <i>buying</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount</i> :<br>16,416,540 VND          |                                                                                  |

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i> | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i>                                                                                                                                                               | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *,<br/>date of issue,<br/>place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                   | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br><i>Time of<br/>transactions<br/>with the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết /Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQ thông qua (nếu có, nêu<br>rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No.<br/>approved by General Meeting of<br/>Shareholders/ Board of Directors<br/>(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                 |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 2              | E-Land<br>International<br>Fashion<br>Shanghai Co.,<br>Ltd                | Bên thực hiện<br>giao dịch là<br>công ty trong<br>cùng tập đoàn<br><i>In the same<br/>group<br/>companies</i>                                                                                                                                         |                                                                                                      | Building 1-1,<br>No.2570 Hechuan<br>Road, Minhang<br>District,<br>Shanghai, China<br>Zip 200233 | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>Selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>15,634,226,546<br>VND<br><br>Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> mua<br>hàng/ <i>buying</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>65,781,902,439<br>VND | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2012 |
| 3              | Wish Trading<br>(Shanghai) Co.,<br>Ltd                                    | Cổ đông chiến<br>lược là chủ sở<br>hữu của công ty<br>mẹ của Bên thực<br>hiện giao dịch<br><i>The strategic<br/>shareholder<br/>currently is an<br/>owner of the<br/>mother company<br/>who owns the<br/>Party<br/>performing the<br/>transaction</i> |                                                                                                      | Room 328 No.25<br>4999 Nong<br>Hongmei South<br>Road, Minhang<br>District,<br>Shanghai, China   | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> mua<br>hàng/ <i>buying</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>16,228,967,673<br>VND                                                                                                                                                                 | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2012 |

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                     | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i>                                        | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *,<br/>date of issue,<br/>place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                                                   | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br><i>Time of<br/>transactions<br/>with the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết /Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQ thông qua (nếu có, nêu<br>rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No.<br/>approved by General Meeting of<br/>Shareholders/ Board of Directors<br/>(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                 |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 4              | Công ty TNHH<br>E.Land Việt<br>Nam<br><i>Eland Vietnam<br/>Corp., Ltd</i>                     | Chủ sở hữu của<br>bên thực hiện<br>giao dịch là cổ<br>đồng chiến lược<br><i>The owner is the<br/>strategic<br/>shareholder</i> | 0300808912<br>28/06/2007<br>Sở KHĐT<br>TP. HCM                                                       | Số 28 đường<br>Nguyễn Thị Nứa,<br>Ấp Phú Hòa, Xã<br>Phú Hòa Đông,<br>TP Hồ Chí Minh<br><i>No.28, Nguyen<br/>Thi Nua Str., Phu<br/>Hoa Hamlet, Phu<br/>Hoa Commune,<br/>HCMC</i> | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>Selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>100,894,814 VND<br><br>Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> sử<br>dụng dịch vụ/ <i>using<br/>service</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>1,403,866,963 VND | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2009 |
| 5              | Công ty TNHH<br>dệt may SY Vina<br><i>SY Vina Textile<br/>Garment<br/>Company<br/>Limited</i> | Chủ sở hữu của<br>bên thực hiện<br>giao dịch là cổ<br>đồng chiến lược<br><i>The owner is the<br/>strategic<br/>shareholder</i> | 3600250335<br>04/04/2007<br>Sở KHĐT<br>tỉnh Đồng<br>Nai                                              | KCN Nhơn Trạch<br>2, xã Nhơn Trạch,<br>tỉnh Đồng Nai<br><i>Nhon Trach 2<br/>Industrial Park,<br/>Nhon Trach<br/>Commune, Dong<br/>Nai Province</i>                              | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>Selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>32,865,224 VND<br><br>Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> mua<br>hàng/ <i>Buying</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>235,559,850,067<br>VND               | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2012 |
| 6              | Công ty Cổ phần<br>Trung tâm Y<br>khoa Thành<br>Công<br><i>Thanh Cong</i>                     | Công ty con<br><i>Subsidiary</i>                                                                                               | 0305253809<br>05/10/2007<br>Sở KHĐT<br>TP. HCM                                                       | 36 Tây Thạnh,<br>P.Tây Thạnh,<br>Tp.HCM<br><i>36 Tay Thanh Str.,<br/>Tay Thanh Ward,</i>                                                                                        | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> cung<br>cấp dịch vụ/<br><i>providing service</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>1,213,833,613 VND                                                                                                                                                       | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2008 |

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i> | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i>                          | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *,<br/>date of issue,<br/>place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                              | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br><i>Time of<br/>transactions<br/>with the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết /Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQ thông qua (nếu có, nêu<br>rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No.<br/>approved by General Meeting of<br/>Shareholders/ Board of Directors<br/>(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                 |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                | Medical Centre<br>Joint Stock<br>Company                                  |                                                                                                                  |                                                                                                      | HCMC                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> mua<br>hàng/ <i>selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>2,206,424,000 VNĐ                                                                                                                                                                            |                                                                                        |
| 7              | Công ty TNHH<br>TC Commerce<br><i>TC Commerce<br/>Company<br/>Limited</i> | Công ty con<br><i>Subsidiary</i>                                                                                 | 0316806269<br>13/04/2021<br>Sở KHĐT<br>TP.HCM                                                        | 911 Trương<br>Chinh, P. Tây<br>Thạnh, TP.HCM<br><i>911 Truong Chinh<br/>Str., Tay Thanh<br/>Ward, HCMC</i>                                                                                                                 | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>60,000,000 VNĐ                                                                                                                                                                               | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> Năm/<br><i>year</i> 2021 |
| 8              | Công ty TNHH<br>Kotiti Việt Nam<br><i>KOTITI Vietnam<br/>Limited</i>      | Công ty có liên<br>quan đến thành<br>viên HĐQT<br><i>Affiliated with<br/>member of<br/>Board of<br/>Director</i> | 0312381417<br>11/07/2013<br>Sở KHĐT<br>TP. HCM                                                       | Lô A4a, Đường<br>19c, Khu E-Office<br>Park, Khu Chế<br>Xuất Tân Thuận,<br>Phường Tân<br>Thuận, TPHCM<br><i>Lot A4a, Street<br/>No. 19c, E-Office<br/>Park, Tan Thuan<br/>Processing Zone,<br/>Tan Thuan Ward,<br/>HCMC</i> | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>100,943,688 VNĐ<br><br>Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> sử<br>dụng dịch vụ/ <i>using<br/>service</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>2,737,584,020 VNĐ | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2014 |
| 9              | Công ty TNHH<br>Eland Global<br><i>Eland Global<br/>Ltd.</i>              | Bên thực hiện<br>giao dịch là<br>công ty trong<br>cùng tập đoàn<br><i>In the same</i>                            | 110111-<br>8439617<br>01/10/2022<br>Hàn Quốc                                                         | #9F, 159. Gasan<br>Digital 1-RO,<br>Geumcheon-gu,<br>Seoul, 08506,<br>Rep. of Korea                                                                                                                                        | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>22,063,445,381                                                                                                                                                                               | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2022 |

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                   | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i>                                                                                                                                                               | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *,<br/>date of issue,<br/>place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                    | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br><i>Time of<br/>transactions<br/>with the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết /Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQ thông qua (nếu có, nêu<br>rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No.<br/>approved by General Meeting of<br/>Shareholders/ Board of Directors<br/>(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                         | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                 |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                                                             | <i>Group<br/>companies</i>                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                      |                                                                                  |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                | VNĐ                                                                                                                                                       |                                                                                        |
| 10             | Công ty TNHH<br>Eland Fashion<br>Shanghai<br><i>Eland Fashion<br/>Shanghai Co.,<br/>Ltd</i> | Chủ sở hữu của<br>Bên thực hiện<br>giao dịch đồng<br>thời là chủ sở<br>hữu của Cổ đông<br>chiến lược<br><i>Its owner is the<br/>same as the<br/>owner of the<br/>strategic<br/>shareholder.</i>                                                       |                                                                                                      | Building 1-1,<br>No.2570 Hechuan<br>Road, MinHang<br>District, Shanghai<br>China | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>selling</i><br>Giá trị giao dịch.<br><i>Transaction amount:</i><br>71,493,026,617<br>VNĐ  | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2018 |
| 11             | Công ty TNHH<br>Wish Fashion<br>Shanghai<br><i>Wish Fashion<br/>Shanghai Co.,<br/>Ltd</i>   | Cổ đông chiến<br>lược là chủ sở<br>hữu của công ty<br>mẹ của Bên thực<br>hiện giao dịch<br><i>The strategic<br/>shareholder<br/>currently is an<br/>owner of the<br/>mother company<br/>who owns the<br/>Party<br/>performing the<br/>transaction</i> |                                                                                                      | Building 1-1,<br>No.2570 Hechuan<br>Road, MinHang<br>District, Shanghai<br>China | Năm 2025<br><i>Year 2025</i>                                                                      | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br><i>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT</i>                                                                                                                                                                             | Loại giao dịch/ <i>Type<br/>of transaction:</i> bán<br>hàng/ <i>selling</i><br>Giá trị giao dịch/<br><i>Transaction amount:</i><br>113,199,241,335<br>VNĐ | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ <i>Time<br/>for starting:</i> năm/<br><i>year</i> 2015 |
| 12             | E-Land Retail                                                                               | Chủ sở hữu của                                                                                                                                                                                                                                        | 114-81-                                                                                              | 70-2 Jamwon-                                                                     | Năm 2025                                                                                          | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT                                                                                                                                                                                                                     | Loại giao dịch/ <i>Type</i>                                                                                                                               | Thời điểm bắt đầu                                                                      |

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                 | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i>                                                                                        | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *,<br/>date of issue,<br/>place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                  | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br><i>Time of<br/>transactions<br/>with the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết /Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQ thông qua (nếu có, nêu<br>rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No.<br/>approved by General Meeting of<br/>Shareholders/ Board of Directors<br/>(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>          | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                  |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|                | Limited                                                                                   | Bên thực hiện<br>giao dịch đồng<br>thời là chủ sở<br>hữu của Công đồng<br>chiến lược<br><i>Its owner is the<br/>same as the<br/>owner of the<br/>strategic<br/>shareholder</i> | 01855<br>Nơi cấp: Hàn<br>Quốc                                                                        | dong, Seocho-Gu,<br>Seoul, Hàn Quốc                                                                                                            | Year 2025                                                                                         | Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT                                                                                                                                                                                                                  | of transaction: bán<br>hàng/ selling<br>Giá trị giao dịch/<br>Transaction amount:<br>13,606,559,698<br>VNĐ                 | giao dịch/ Time<br>for starting: năm/<br>year 2013                      |
| 13             | Công ty Cổ phần<br>Hợp tác kinh tế<br>và XNK<br>Savimex<br><i>Savimex<br/>Corporation</i> | Bên thực hiện<br>giao dịch có<br>cùng cổ đông<br>chiến lược<br><i>The same<br/>strategic<br/>shareholders</i>                                                                  | 0302317892<br>28/05/2001<br>Sở KHĐT<br>TP. HCM                                                       | 194 Nguyễn Công<br>Trứ, Phường<br>Nguyễn Thái<br>Bình, TP. HCM<br><i>No.194, Nguyen<br/>Cong Tru Str.,<br/>Nguyen Thai Binh<br/>Ward, HCMC</i> | Năm 2025<br>Year 2025                                                                             | Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT<br>Resolution No.01/2025/NQ-HĐQT                                                                                                                                                                                    | Loại giao dịch/ Type<br>of transaction: mua<br>hàng/ buying<br>Giá trị giao dịch/<br>Transaction amount:<br>27,483,334 VNĐ | Thời điểm bắt đầu<br>giao dịch/ Time<br>for starting: năm/<br>year 2018 |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:*

| Stt<br>No. | Người thực hiện<br>giao dịch<br><i>Transaction<br/>executor</i> | Quan hệ với<br>người nội bộ<br><i>Relationship<br/>with internal<br/>persons</i> | Chức vụ<br>tại CTNY<br><i>Position<br/>at the<br/>listed<br/>Company</i> | Số CMND/<br>Hộ chiếu, ngày cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card No./<br/>Passport No., date of<br/>issue, place of issue</i> | Địa chỉ<br><i>Address</i>                                               | Tên công ty con, công ty<br>do CTNY nắm quyền<br>kiểm soát<br><i>Name of subsidiaries or<br/>companies which the<br/>Company control</i> | Thời điểm<br>giao dịch<br><i>Time of<br/>transaction</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity, total value of<br/>transaction</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1          | E-land Asia<br>Holdings Pte.<br>Ltd                             | Công ty mẹ<br><i>Parent<br/>company</i>                                          |                                                                          | 0200717117Z<br>30/05/2007<br>Singapore                                                                                | 3 Church<br>Street<br>#08-01,<br>Samsung<br>Hub,<br>Singapore<br>049483 | Công ty TNHH TC<br>Commerce<br><i>TC Commerce Co., Ltd</i>                                                                               | 14/03/2025                                               | Nội dung: gia hạn khoản vay nội bộ ký<br>ngày 14/04/2022<br><i>Content: extension of internal loan<br/>signed April 14, 2022</i><br>Trị giá khoản vay: 300,000 USD<br><i>Loan amount: 300,000 USD</i><br>Thời hạn vay: đến 14/03/2026<br><i>Loan term: to Mar 14<sup>th</sup>, 2026</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                        |
| 2          | E-land Asia<br>Holdings Pte.<br>Ltd                             | Công ty mẹ<br><i>Parent<br/>company</i>                                          |                                                                          | 0200717117Z<br>30/05/2007<br>Singapore                                                                                | 3 Church<br>Street<br>#08-01,<br>Samsung<br>Hub,<br>Singapore<br>049483 | Công ty TNHH TC<br>Commerce<br><i>TC Commerce Co., Ltd</i>                                                                               | 11/08/2025                                               | Nội dung: gia hạn 02 khoản vay nội bộ<br>ký với trị giá 600,000 USD, bao gồm<br><i>Content: extension of 02 internal loan<br/>with total amount USD 600,000,<br/>including</i><br>- Khoản vay: 300,000 USD theo<br>Hợp đồng vay ký ngày 05/10/2022,<br>hợp đồng gia hạn khoản vay ký<br>ngày 04/09/2023 và 06/09/2024,<br>thời hạn vay 12 tháng.<br><i>Loan term: USD 300,000 under the<br/>loan agreement signed October<br/>5th, 2022 and loan extension<br/>agreement signed September 4th,<br/>2023 and September 6th, 2024;<br/>loan term: 12 months</i><br>- Khoản vay: 300,000 USD theo |                        |

|  |  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  | Hợp đồng vay ký ngày 26/09/2023, hợp đồng gia hạn khoản vay ký ngày 06/09/2024, thời hạn vay: 12 tháng.<br><i>Loan term: USD 300,000 under the loan agreement signed September 26th, 2023 and loan extension agreement signed September 6th, 2024; loan term: 12 months</i> |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

**4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects**

**4.1.** Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

*ĐVT/Unit: VND*

| <b>Loại giao dịch/ Type of transaction</b>                                    | <b>Năm 2023</b>        | <b>Năm 2024</b>          | <b>Năm 2025</b>        |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>BÁN HÀNG/Sales</b>                                                         | <b>747,304,296,163</b> | <b>1,022,161,085,879</b> | <b>919,149,511,634</b> |
| Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công                                        | 1,161,311,549          | 1,173,983,676            | 1,213,833,613          |
| Công ty TNHH TC Commerce                                                      | 80,370,370             | 60,000,000               | 60,000,000             |
| Công ty TNHH Eland VN                                                         | 708,864,712            | 2,426,037,886            | 100,894,814            |
| Công ty TNHH dệt may SY Vina (Tên cũ: Công ty CP SY Vina)                     | 1,189,632,303          | 2,280,086,850            | 32,865,224             |
| E-Land Asia Holding Pte.Ltd, Incorporated In Singapore With Limited Liability | 60,781,808,903         | -                        | -                      |
| Wish Fashion Shanghai Co.LTD                                                  | 40,673,734,860         | 87,007,051,563           | 113,199,241,335        |
| Eland Fashion Hong Kong Co.,Ltd                                               | -                      | 236,605,233              | -                      |
| Wish HongKong Limited                                                         | -                      | 219,720,753              | -                      |
| Eland International Fashion Shanghai Co.LTD                                   | 14,386,317,350         | 15,309,196,604           | 15,634,226,546         |
| Eland World LTD                                                               | 556,561,403,053        | 788,959,347,431          | 681,644,474,718        |
| Eland retail LTD                                                              | 463,600,774            | -                        | 13,606,559,698         |
| Eland Global Ltd                                                              | 36,943,747,686         | 46,106,252,859           | 22,063,445,381         |
| Eland Fashion (Shanghai) Co.,Ltd                                              | 34,252,560,915         | 78,137,960,643           | 71,493,026,617         |
| Công ty TNHH Kotiti Việt Nam                                                  | 100,943,688            | 244,842,381              | 100,943,688            |
| <b>MUA HÀNG/Purchasing</b>                                                    | <b>97,278,245,181</b>  | <b>353,061,441,058</b>   | <b>323,962,495,036</b> |

| Loại giao dịch/ <i>Type of transaction</i>                | Năm 2023       | Năm 2024        | Năm 2025        |
|-----------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công                    | 2,289,178,256  | 2,093,998,000   | 2,206,424,000   |
| Công ty TNHH Eland VN                                     | 2,695,466,067  | 1,091,358,326   | 1,403,866,963   |
| Công ty TNHH dệt may SY Vina (Tên cũ: Công ty CP SY Vina) | 65,542,905,981 | 284,857,624,772 | 235,559,850,067 |
| Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex                 | -              | 149,428,704     | 27,483,334      |
| Eland International Fashion Shanghai Co.LTD               | 9,686,720,468  | 24,563,273,903  | 65,781,902,439  |
| Eland World LTD                                           |                |                 | 16,416,540      |
| Wish Trading Shanghai Co.LTD                              | 13,588,008,956 | 36,943,848,911  | 16,228,967,673  |
| Công ty TNHH Kotiti Việt Nam                              | 2,723,196,132  | 2,644,966,541   | 2,737,584,020   |
| Eland Human Resource Development Centre                   | 610,808,785    | 512,100,925     | -               |
| Công ty TNHH TC Commerce                                  | 141,960,536    | 204,840,976     | -               |

- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có/Nil*
- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/Nil*
- VIII. **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (năm 2025)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (report in 2025)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (xem Phụ lục 02 đính kèm Báo cáo) /*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company (refer to Appendix 02 enclosed)*
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:*

| Stt<br>No. | Người thực hiện giao<br>dịch<br><i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội<br>bộ <i>Relationship with<br/>internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares owned at the<br/>beginning of the period</i> |                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the<br/>end of the period</i> |                            | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,<br>thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing<br/>(buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                             |                                                                           | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                        | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> | Số cổ phiếu<br><i>Number of<br/>shares</i>                                               | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> |                                                                                                                                                    |
| 1          | Trần Như Tùng                                               | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                    | 93,276                                                                                        | 0.09                       | 102,603                                                                                  | 0.09                       | Thưởng cổ phiếu 2024<br><i>Bonus shares for 2024</i>                                                                                               |

| Stt<br>No. | Người thực hiện giao dịch<br><i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ<br><i>Relationship with internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> |                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> |                            | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                          |                                                                       | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                    | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                               | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> |                                                                                                                                             |
| 1.1        | Trịnh Thị Hằng                                           | Người có liên quan của người nội bộ<br><i>affiliated person</i>       | 3                                                                                         | 0.00                       | 3                                                                                    | 0.00                       |                                                                                                                                             |
| 2          | Ông Lee Eun Hong                                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                | 11                                                                                        | 0.00                       | 12                                                                                   | 0.00                       | Thưởng cổ phiếu 2024<br><i>Bonus shares for 2024</i>                                                                                        |
| 2.1        | Công ty E-land Asia Holdings Pte., Ltd                   | Tổ chức có liên quan<br><i>Affiliated organization</i>                | 47,888,979                                                                                | 46.97                      | 52,677,876                                                                           | 46.98                      | Thưởng cổ phiếu 2024<br><i>Bonus shares for 2024</i>                                                                                        |
| 3          | Nguyễn Văn Nghĩa                                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                | 10,190,308                                                                                | 10.00                      | 11,209,338                                                                           | 10.00                      | Thưởng cổ phiếu 2024<br><i>Bonus shares for 2024</i>                                                                                        |
| 3.1        | Nguyễn Minh Tuấn                                         | Người có liên quan của người nội bộ<br><i>affiliated person</i>       | 236,716                                                                                   | 0.23                       | 260,287                                                                              | 0.23                       | Thưởng cổ phiếu 2024<br><i>Bonus shares for 2024</i>                                                                                        |
| 4          | Song Jae Ho                                              | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                | 1                                                                                         | 0                          | 1                                                                                    | 0                          |                                                                                                                                             |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues*: Không có/*Nil*.

Nơi nhận:

*Recipients:*

- Như trên;
- Lưu: HĐQT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS*

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



TRẦN NHƯ TÙNG

Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo quản trị năm 2025 ngày 29/01/2026  
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY  
Appendix 01 attached to Report on Corporate Governance for annual of 2025 dated 29/01/2026  
LIST OF AFFILIATED PERSON OF THE COMPANY

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có)<br>Position at the Company<br>(if any)                                                                                                               | Số Giấy NSH*<br>NSH No. " | Ngày cấp giấy NSH<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm bắt đầu là<br>người có liên quan của<br>Công ty/ người nội bộ<br>Time of starting<br>to be affiliated person<br>of Company/ internal<br>person | Thời điểm không còn<br>là người có liên quan<br>của Công ty/người nội<br>bộ<br>Time of ending to be<br>affiliated person of<br>Company/ internal<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ đối với<br>người nội<br>bộ/Relationship with<br>internal person |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                        | 4                                                                                                                                                                                    | 5                         | 6                                  | 7                         | 8                                                | 9                                                                                                                                                        | 10                                                                                                                                                         | 11               | 12                                                                          |
| 1          | Trần Như Tùng                                          |                                                                                          | Chủ tịch HĐQT kiêm Phó<br>Tổng Giám đốc/ Chairman<br>cum Deputy General<br>Director                                                                                                  |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 2          | Trần Quang Chung                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Bố/Father                                                                   |
| 3          | Nguyễn Thị Hương                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Me/Mother                                                                   |
| 4          | Trịnh Thị Hằng                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Me vợ/ Mother in law                                                        |
| 5          | Trần Như Tháo                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh/em/Brothers                                                             |
| 6          | Nguyễn Thị Mẫn                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị em dâu/ Sister in law                                                   |
| 7          | Trần Thị Thanh Tuyền                                   |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị/Em/Sisters                                                              |
| 8          | Dương Xuân Hưng                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh em rể/Brother in law                                                    |
| 9          | Trần Thị Thanh Thu                                     |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị/Em/Sisters                                                              |
| 10         | Võ Hồng Thịnh                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh em rể/Brother in law                                                    |
| 11         | Trần Như Thiên                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh/em/Brothers                                                             |
| 12         | Nguyễn Thị Dung                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị em dâu/ Sister in law                                                   |
| 13         | Trịnh Trần Anh Thi                                     |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 14         | Trần Thiên Khoa                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 15         | Trần Bảo Khoa                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 16         | Trần Trịnh Khánh Linh                                  |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 29/04/2011                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 17         | Lee Eun Hong                                           |                                                                                          | Thành viên HĐQT không<br>điều hành<br>Non-executive member of<br>BOD                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 18         | Lee Yeo Ha                                             |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Bố/Father                                                                   |
| 19         | Lee Byung Seon                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Me/Mother                                                                   |
| 20         | Ahn Suk Kyu                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Bố vợ/Father in law                                                         |
| 21         | Cho Young Soon                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Me vợ/ Mother in law                                                        |
| 22         | Lee Eun Kyo                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị/Em/Sisters                                                              |
| 23         | Ahn Suk Syung                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 24         | Lee Hye Sun                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 25         | Lee Hye Rim                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 25/04/2009                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 26         | Nguyễn Minh Hào                                        |                                                                                          | Thành viên HĐQT kiêm<br>GD TC kiêm người ủy<br>quyền công bố thông<br>tin/Member of the Board<br>cum Chief Financial<br>Officer cum Authorized<br>person to disclose<br>information; |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 27         | Nguyễn Lương Xuân                                      |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Bố/Father                                                                   |
| 28         | Nguyễn Thị Thi                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Me/Mother                                                                   |
| 29         | Phạm Đình Hiến                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                                                                            |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Bố chồng/Father in law                                                      |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có) Position at the Company<br>(if any)                                       | Số Giấy NSH*<br>NSH No. * | Ngày cấp giấy NSH<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm bắt đầu là<br>người có liên quan của<br>Công ty/ người nội bộ<br>Time of starting<br>to be affiliated person<br>of Company/ internal<br>person | Thời điểm không còn<br>là người có liên quan<br>của Công ty/người nội<br>bộ<br>Time of ending to be<br>affiliated person of<br>Company/ internal<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ đối với<br>người nội<br>bộ/Relationship with<br>internal person |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                        | 4                                                                                                         | 5                         | 6                                  | 7                         | 8                                                | 9                                                                                                                                                        | 10                                                                                                                                                         | 11               | 12                                                                          |
| 30         | Nguyễn Thị Huệ                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ chồng/ Mother in law                                                     |
| 31         | Nguyễn Minh Phương                                     |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị/Em/Sisters                                                              |
| 32         | Đinh Tấn Tường                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh em rể/Brother in law                                                    |
| 33         | Nguyễn Minh Châu                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị/Em/Sisters                                                              |
| 34         | Võ Sỹ Đức                                              |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh em rể/Brother in law                                                    |
| 35         | Nguyễn Minh Hằng                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị/Em/Sisters                                                              |
| 36         | Hồ Minh Hiếu                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh em rể/Brother in law                                                    |
| 37         | Nguyễn Lương Triết                                     |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh/Em/Brothers                                                             |
| 38         | Võ Phan Diễm Hương                                     |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị em dâu/ Sister in law                                                   |
| 39         | Nguyễn Lương Tri                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Anh/Em/Brothers                                                             |
| 40         | Đặng Thị Kiều Vân                                      |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chị em dâu/ Sister in law                                                   |
| 41         | Phạm Đình Khải                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Chồng/Husband                                                               |
| 42         | Phạm Nguyễn Minh Khuê                                  |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 43         | Phạm Nguyễn Minh Khai                                  |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 17/04/2010                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 44         | Nguyễn Văn Nghĩa                                       |                                                                                          | Thành viên Hội đồng quản<br>trị<br>Member of Board of<br>Directors                                        |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 45         | Nguyễn Thị Dung                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ/Mother                                                                   |
| 46         | Phạm Hữu Chương                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Bố vợ/Father in law                                                         |
| 47         | Nguyễn Thị Chi                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ vợ/Father in law                                                         |
| 48         | Nguyễn Thị Hòp                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Chị ruột/Sisters                                                            |
| 49         | Đỗ Đình Hủy                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Anh rể/Brother in law                                                       |
| 50         | Nguyễn Thị Hải                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Chị ruột/Sisters                                                            |
| 51         | Nguyễn Thị Tình                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Chị ruột/Sisters                                                            |
| 52         | Nguyễn Hữu Nghi                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Anh rể/Brother in law                                                       |
| 53         | Nguyễn Thị Kim Thanh                                   |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em ruột/Sisters                                                             |
| 54         | Nguyễn Ngọc Thuan                                      |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em rể/Brother in law                                                        |
| 55         | Nguyễn Văn Tâm                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em ruột/Brothers                                                            |
| 56         | Trương Thị Thủy Vinh                                   |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em dâu/Sister in law                                                        |
| 57         | Phạm Thị Hồng Nhung                                    |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 58         | Nguyễn Minh Tuấn                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 59         | Park Heung Su                                          |                                                                                          | Phó Chủ tịch, Thành viên<br>độc lập HĐQT<br>Vice Chairman,<br>Independent Member of<br>Board of Directors |                           |                                    |                           |                                                  | 06/4/2021                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 60         | Park Gwang Ryeol                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Bố/Father                                                                   |
| 61         | Kim Jin Soon                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ/Mother                                                                   |
| 62         | Jo In Hwan                                             |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Bố vợ/Father in law                                                         |
| 63         | Park Yang Deuk                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ vợ/ Mother in law                                                        |
| 64         | Park Jeong Bae                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Anh chị em/Brothers,<br>Sister                                              |
| 65         | Cho Yeon Im                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 66         | Park Ji Yeon                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 67         | Park Ji Myung                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 68         | Đinh Tấn Tường                                         |                                                                                          | Thành viên HĐQT độc lập<br>Independent Member of the<br>Board                                             |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 69         | Đinh Bài                                               |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Bố/Father                                                                   |
| 70         | Bùi Thị Hiền Thu                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ/Mother                                                                   |
| 71         | Nguyễn Lương Xuân                                      |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Bố vợ/Father in law                                                         |
| 72         | Nguyễn Thị Thị                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ vợ/Father in law                                                         |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có) Position at the Company<br>(if any)                                                       | Số Giấy NSH*<br>NSH No. * | Ngày cấp giấy NSH<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address | Thời điểm bắt đầu là<br>người có liên quan của<br>Công ty/ người nội bộ<br>Time of starting<br>to be affiliated person<br>of Company/ internal<br>person | Thời điểm không còn<br>là người có liên quan<br>của Công ty/người nội<br>bộ<br>Time of ending to be<br>affiliated person of<br>Company/ internal<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ đối với<br>người nội<br>bộ/Relationship with<br>internal person |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                        | 4                                                                                                                         | 5                         | 6                                  | 7                         | 8                                                | 9                                                                                                                                                        | 10                                                                                                                                                         | 11               | 12                                                                          |
| 73         | Đinh Gia Bảo                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Anh em ruột/Brothers                                                        |
| 74         | Trần Thị Kim Thu                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Chị em dâu/Sister in law                                                    |
| 75         | Đinh Phương Duy                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Anh em ruột/Brothers                                                        |
| 76         | Nguyễn Thị Bích Hồng                                   |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Chị em dâu/Sister in law                                                    |
| 77         | Đinh Thị Ái Liên                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em ruột/Sisters                                                             |
| 78         | Nguyễn Văn Phước                                       |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em rể/Brother in law                                                        |
| 79         | Đinh Thành An                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em ruột/Brothers                                                            |
| 80         | Nguyễn Thị Đăng                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em dâu/Sister in law                                                        |
| 81         | Đinh Thị Quỳnh Liên                                    |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em ruột/Sisters                                                             |
| 82         | Võ Văn Hải                                             |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em rể/Brother in law                                                        |
| 83         | Đinh Thành Cung                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em ruột/Brothers                                                            |
| 84         | Nguyễn Thị Hồng Hà                                     |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Em dâu/Sister in law                                                        |
| 85         | Nguyễn Minh Phương                                     |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 86         | Đinh Tấn Lộc                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 87         | Đinh Thị Minh Phước                                    |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 88         | Kim Jong Gak                                           |                                                                                          | Thành viên HĐQT độc lập<br>Independent Member of the<br>Board                                                             |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 89         | Kim Sung Kon                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Bố/Father                                                                   |
| 90         | Cho Hyea Yea                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ/Mother                                                                   |
| 91         | Joo Kyung Bo                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Bố vợ/Father in law                                                         |
| 92         | Cho Mang Soon                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ vợ/ Mother in law                                                        |
| 93         | Joo Eun Yong                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 94         | Kim Hun Soo                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 95         | Kim Ji Hun                                             |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 96         | Kim Soung Gyu                                          |                                                                                          | Thành viên HĐQT không<br>điều hành<br>Non-Executive BOD                                                                   |                           |                                    |                           |                                                  | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 97         | Kim Dong Chul                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Bố Father                                                                   |
| 98         | Yu Eun Hyoung                                          |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ/Mother                                                                   |
| 99         | Hong Hyunju                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 100        | Kim Ye Joon                                            |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 101        | Kim Ye Won                                             |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 102        | Song Jae Ho                                            |                                                                                          | Thành viên HĐQT điều<br>hành kiêm Tổng giám đốc/<br>Executive member of the<br>Board of Directors cum<br>General Director |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 103        | Song Moon Young                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Bố ruột/Father                                                              |
| 104        | Lee Won Do                                             |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ ruột/Mother                                                              |
| 105        | Kim In Ja                                              |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Mẹ vợ/Mother in law                                                         |
| 106        | Park Min Kyoung                                        |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Vợ/Wife                                                                     |
| 107        | Song Seung Woo                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 108        | Song Chang Woo                                         |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 109        | Song Min Seo                                           |                                                                                          | Không/Nil                                                                                                                 |                           |                                    |                           |                                                  | 1/12/2023                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Con/Children                                                                |
| 110        | Phạm Thị Thanh Thủy                                    |                                                                                          | Kế toán trưởng/Chief<br>Accountant                                                                                        |                           |                                    |                           |                                                  | 10/3/2022                                                                                                                                                |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |
| 111        | Kim Myeong Rae                                         |                                                                                          | Người đứng đầu chi nhánh<br>Vĩnh Long/Head of Vĩnh<br>Long Branch                                                         |                           |                                    |                           |                                                  | 31/08/2020                                                                                                                                               | 23/10/2025                                                                                                                                                 |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                             |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual          | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có) Position at the Company<br>(if any)                                                                                       | Số Giấy NSH*<br>NSH No.* | Ngày cấp giấy NSH<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address                                                                                                                 | Thời điểm bắt đầu là<br>người có liên quan của<br>Công ty/ người nội bộ<br>Time of starting<br>to be affiliated person<br>of Company/ internal<br>person | Thời điểm không còn<br>là người có liên quan<br>của Công ty/người nội<br>bộ<br>Time of ending to be<br>affiliated person of<br>Company/ internal<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ đối với<br>người nội<br>bộ/Relationship with<br>internal person                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                               | 3                                                                                        | 4                                                                                                                                                         | 5                        | 6                                  | 7                         | 8                                                                                                                                                                | 9                                                                                                                                                        | 10                                                                                                                                                         | 11               | 12                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 112        | Kim Ok Tae                                                      |                                                                                          | Tổng quản lý kinh doanh nội<br>địa/ Domestic Sales General<br>Director                                                                                    |                          |                                    |                           |                                                                                                                                                                  | 20/01/2022                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person<br>Chức danh cho HĐQT bổ<br>nhiệm: Giám đốc của<br>công ty con<br>Position appointed by<br>BOD: Director of<br>subsidiary<br>Chức danh do TGD bổ<br>nhiệm: Tổng quản lý kinh<br>doanh nội bộ<br>Position appointed by<br>CEO: Domestic sales<br>General Director                       |
| 113        | Nguyễn Đức Thanh                                                |                                                                                          | Người đứng đầu chi nhánh<br>xưởng đan/ Head of branch –<br>Knitting Factory                                                                               |                          |                                    |                           |                                                                                                                                                                  | 27/04/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 114        | Han Kwang Taek                                                  |                                                                                          | Giám đốc đầu tư chiến lược/<br>ISD Director                                                                                                               |                          |                                    |                           |                                                                                                                                                                  | 19/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person<br>Chức danh cho HĐQT bổ<br>nhiệm: đại diện phần vốn<br>góp trong công ty con<br>Position appointed by<br>BOD: representative of<br>capital contribution in<br>subsidiary<br>Chức danh do TGD bổ<br>nhiệm: Giám đốc đầu tư<br>chiến lược<br>Position appointed by<br>CEO: ISD Director |
| 115        | Ngô Thị Quỳnh Mai                                               |                                                                                          | Thư ký Công ty, Trưởng<br>Phòng Pháp chế, Người phụ<br>trách quản trị<br>Company Secretary, Legal<br>Manager, Person in charge<br>of corporate governance |                          |                                    |                           |                                                                                                                                                                  | 19/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Người nội bộ<br>Internal person                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 116        | Công ty Cổ phần Hợp tác<br>kinh tế và xuất nhập khẩu<br>Savimex |                                                                                          |                                                                                                                                                           | 0302317892               | 28/05/2001                         | Sở KHĐT TPHCM             | 194 Nguyễn Công Trứ, Phường<br>Bến Thành, TP Hồ Chí Minh<br>No.194, Nguyen Cong Tru Strt.,<br>Ben Thanh Ward, HCMC                                               |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | có cùng cổ đông chiến<br>lược<br>has the same strategic<br>shareholder                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 117        | Công ty TNHH TC Tower                                           |                                                                                          |                                                                                                                                                           | 0313019898               | 31/10/2014                         | Sở KHĐT TPHCM             | 37 Tây Thạnh, P.Tây Thạnh,<br>Tp.HCM<br>No. 37 Tay Thanh Street, Tay<br>Thanh Ward, HCMC                                                                         |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan<br>Affiliated organization                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 118        | Công ty Cổ phần Trung<br>tâm Y khoa Thành Công                  |                                                                                          |                                                                                                                                                           | 0305253809               | 5/10/2017                          | Sở KHĐT TPHCM             | 36 Tây Thạnh, P.Tây Thạnh,<br>Tp.HCM<br>No. 36 Tay Thanh Street, Tay<br>Thanh Ward, HCMC                                                                         |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan<br>Affiliated organization                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 119        | E-LAND ASIA<br>HOLDINGS PTE.LTD                                 |                                                                                          |                                                                                                                                                           | CA2946                   | 4/5/2009                           | Singapore                 | 1 Harbourfront Avenue, # 14-07<br>Keppel Bay Tower, Singapore<br>(098632)                                                                                        |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan<br>Affiliated organization                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 120        | Công Ty TNHH E.Land<br>Việt Nam                                 |                                                                                          |                                                                                                                                                           | 0300808912               | 28/06/2007                         | Sở KHĐT TPHCM             | Số 28 đường Nguyễn Thị Nữa,<br>Áp Phú Hòa, Xã Phú Hòa Đông,<br>TP Hồ Chí Minh<br>No. 28, Nguyen Thi Nua Street,<br>Phu Hoa Hamlet, Phu Hoa<br>Dong Commune, HCMC |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan<br>Affiliated organization                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual    | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có)<br>Position at the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH*<br>NSH No. * | Ngày cấp giấy NSH<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address                                                                                                                                                      | Thời điểm bắt đầu là<br>người có liên quan của<br>Công ty/ người nội bộ<br>Time of starting<br>to be affiliated person<br>of Company/ internal<br>person | Thời điểm không còn<br>là người có liên quan<br>của Công ty/người nội<br>bộ<br>Time of ending to be<br>affiliated person of<br>Company/ internal<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ đối với<br>người nội<br>bộ/Relationship with<br>internal person                                                                 |
|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                         | 3                                                                                        | 4                                                                      | 5                         | 6                                  | 7                         | 8                                                                                                                                                                                                     | 9                                                                                                                                                        | 10                                                                                                                                                         | 11               | 12                                                                                                                                          |
| 121        | Công ty TNHH dệt may<br>SY Vina                           |                                                                                          |                                                                        | 3600250335                | 4/4/1997                           | Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai     | KCN Nhơn Trạch II, Xã Nhơn<br>Trạch, TP HCM<br>Nhon Trach II IP, Nhon Trach<br>Commune, HCMC                                                                                                          |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Có cùng công ty mẹ<br>has the same parent<br>company                                                                                        |
| 122        | Công Ty TNHH TC<br>Commerce                               |                                                                                          |                                                                        | 0316806269                | 13/04/2021                         | Sở KHĐT TP HCM            | 911 đường Trường Chinh,<br>Phường Tây Thạnh, Thành phố<br>Hồ Chí Minh<br>No. 911 Truong Chinh Street,<br>Tay Thanh Ward, HCMC                                                                         |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan<br>Affiliated organization                                                                                             |
| 123        | Công ty TNHH Kotiti Việt<br>Nam                           |                                                                                          |                                                                        | 0312381417                | 11/7/2013                          | Sở KHĐT TP HCM            | Lô A4a, Đường 19c, Khu E-<br>Office Park, Khu Chế Xuất Tân<br>Thuận, Phường Tân Thuận, TP<br>Hồ Chí Minh<br>Lot A4a, 19c Street, E-Office<br>Park, Tan Thuan processing<br>park, Tan Thuan Ward, HCMC | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Park<br>Heung Su<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr.<br>Park Heung Su       |
| 124        | Công ty TNHH Thương<br>mại Xây dựng Vạn tài<br>Thanh Long |                                                                                          |                                                                        | 0304133227                | 12/12/2005                         | Sở KHĐT TP HCM            | Số 1, Đường 14D, Khu dân cư<br>Vinh Lộc, Phường Bình Tân, TP<br>Hồ Chí Minh<br>No.1, 14D street, Vinh Loc<br>residence are, Binh Tan Ward,<br>HCMC                                                    | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Nguyễn<br>Vân Nghĩa<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr.<br>Nguyen Van Nghia |
| 125        | Công ty Cổ phần Lizen                                     |                                                                                          |                                                                        | 0302310209                | 2/6/2006                           | Sở KHĐT TP HCM            | 24A Phan Đăng Lưu, Phường<br>Gia Định, TP Hồ Chí Minh<br>No. 24A Phan Dang Luu Street,<br>Gia Dinh Ward, HCMC                                                                                         | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Nguyễn<br>Vân Nghĩa<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr.<br>Nguyen Van Nghia |
| 126        | Công ty cổ phần gạch men<br>Tasa                          |                                                                                          |                                                                        | 2600896511                | 19/12/2013                         | Sở KHĐT tỉnh Phú Thọ      | Lô B2 và Lô B3, Khu Công<br>Nghiệp Thụy Vân, Phường Nông<br>Trang, Phú Thọ<br>Lot B2 and B3, Thuy Van IP,<br>Nong Trang Ward, Phu Tho                                                                 | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Nguyễn<br>Vân Nghĩa<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr.<br>Nguyen Van Nghia |
| 127        | Công ty cổ phần cơ khí xây<br>dựng Amecc                  |                                                                                          |                                                                        | 0200786983                | 1/2/2008                           | Sở KHĐT TP. Hải Phòng     | Km 35 quốc lộ 10, Xã An<br>Quang, TP Hải Phòng<br>km 35, Highway 10, An Quang<br>Commune, Hai Phong City                                                                                              | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Nguyễn<br>Vân Nghĩa<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr.<br>Nguyen Van Nghia |
| 128        | Công Ty TNHH Kiểm<br>Toán Sao Việt                        |                                                                                          |                                                                        | 0304457750                | 17/07/2006                         | Sở KHĐT TP HCM            | 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường<br>Nhiều Lộc, TP Hồ Chí Minh<br>386/51 Le Van Sy, Nieu Loc<br>Ward, HCMC                                                                                                     | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Đinh<br>Tân Tường<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr.<br>Dinh Tan Tuong     |
| 129        | Công ty TNHH Việt Hàn<br>Thời Điểm                        |                                                                                          |                                                                        | 0314594259                | 23/08/2017                         | Sở KHĐT TP HCM            | Tầng 7, tòa nhà IPC, 1489<br>Nguyễn Văn Linh, Phường Tân<br>Hưng, TP Hồ Chí Minh<br>7th Floor, IPC building, 1489<br>Nguyen Van Linh Street, Tan<br>Hung Ward, HCMC                                   | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Kim<br>Jong Gak<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr. Kim<br>Jong Gak         |
| 130        | Công ty TNHH Seeton<br>Partners                           |                                                                                          |                                                                        | 0309920877                | 19/03/2010                         | Sở KHĐT TP HCM            | Tầng 3, số 9 đường Lê Thuộc,<br>khu phố 1, Phường An Khánh,<br>TP Hồ Chí Minh<br>3rd Floor, No.9 Le Thuoc street,<br>town no.1, An Khanh Ward,<br>HCMC                                                | 6/4/2021                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Kim<br>Jong Gak<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr. Kim<br>Jong Gak         |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có)<br>Position at the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH*<br>NSH No.* | Ngày cấp giấy NSH<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue       | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ Address                                                                                            | Thời điểm bắt đầu là<br>người có liên quan của<br>Công ty/ người nội bộ<br>Time of starting<br>to be affiliated person<br>of Company/ internal<br>person | Thời điểm không còn<br>là người có liên quan<br>của Công ty/người nội<br>bộ<br>Time of ending to be<br>affiliated person of<br>Company/ internal<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ đối với<br>người nội<br>bộ/Relationship with<br>internal person                                                           |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                        | 4                                                                      | 5                        | 6                                  | 7                               | 8                                                                                                                                           | 9                                                                                                                                                        | 10                                                                                                                                                         | 11               | 12                                                                                                                                    |
| 131        | Công ty TNHH Noel Vina                                 |                                                                                          |                                                                        | 6001572314               | 18/04/2017                         | Sở KHĐT tỉnh Đắk Lắk            | 229 buôn Êa Khít A, Xã Ea Ktur,<br>Đắk Lắk<br>229 Ea Khit A village, Ea Ktur<br>commune, Dak Lak                                            | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Kim<br>Soung Gyu<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr. Kim<br>Soung Gyu |
| 132        | Công ty Cổ phần ELVINA                                 |                                                                                          |                                                                        | 0317262244               | 22/04/2022                         | Sở KHĐT TP HCM                  | R4-51 Đường Mỹ Toàn 2, Phú<br>Mỹ Hưng, Phường Tân Hưng,<br>TP Hồ Chí Minh<br>R4-51 My Toan 2 Street, Phu<br>My Hung, Tan Hung Ward,<br>HCMC | 30/06/2023                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan của<br>người nội bộ: ông Kim<br>Soung Gyu<br>Affiliated organization of<br>internal person: Mr. Kim<br>Soung Gyu |
| 133        | CTCP Đầu tư Xây dựng<br>Thành Phúc                     |                                                                                          |                                                                        | 0305147889               | 24/07/2007                         | Sở Kế hoạch Đầu tư<br>Tp HCM    | 36 Tây Thanh, Phường Tây<br>Thanh, TP. Hồ Chí Minh<br>36 Tay Thanh, Tay Thanh Ward,<br>HCMC                                                 |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan:<br>TCM đang nắm giữ<br>23.79% vốn điều lệ<br>Affiliated organization:<br>TCM owns 23.79%<br>charter capital     |
| 134        | Công ty Cổ phần Du lịch<br>Golf Vũng Tàu               |                                                                                          |                                                                        | 3500857750               | 19/03/2008                         | Sở KHĐT tỉnh Bà Rịa Vũng<br>Tàu | Số 536/19 Nguyễn An Ninh,<br>Phường Tam Thắng, TP Hồ Chí<br>Minh<br>No.536/19, Nguyen An Ninh<br>Street, Tam Thang Ward,<br>HCMC            |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                  | Tổ chức có liên quan:<br>TCM đang nắm giữ<br>29.61% vốn điều lệ<br>Affiliated organization:<br>TCM owns 29.61%<br>charter capital     |

Ghi chú: Phông chữ Times New Roman, cột CMND, căn cước/Giấy ĐKKD ghi dữ liệu text để tránh mất số 0, cột ngày định dạng theo ví dụ, cột STT định dạng theo ví dụ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN NHƯ TÙNG

THÀNH CỔ.

Phụ lục 02 đính kèm Báo cáo quản trị năm 2025 ngày 29/01/2026  
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
Appendix 02 attached to Report on Corporate Governance for annual of 2025 dated 29/01/2026  
LIST OF INTERNAL AND AFFILIATED PERSON

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available)     | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                                                                                           |
|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                     | 4                                                                             | 5                           | 6                         | 7                         | 8                                                | 9                                                                                    | 10                                                                                             | 11                                                                                                                                                         |
| 1          | Trần Như Tùng                                          |                                                                                       | Chủ tịch HĐQT<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Chairman cum Deputy General<br>Director |                             |                           |                           |                                                  | 102,603                                                                              | 0.09%                                                                                          |                                                                                                                                                            |
| 1.01       | Trần Quang Chung                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.02       | Nguyễn Thị Hương                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  |                                                                                      | 0                                                                                              | Đã mất<br>Pass away                                                                                                                                        |
| 1.03       | Trịnh Thị Hằng                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 3                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.04       | Trần Như Thảo                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.05       | Nguyễn Thị Mẫn                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.06       | Trần Thị Thanh Tuyền                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.07       | Dương Xuân Hưng                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.08       | Trần Thị Thanh Thu                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.09       | Võ Hồng Thịnh                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.10       | Trần Như Thiển                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.11       | Nguyễn Thị Dung                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.12       | Trịnh Trần Anh Thi                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.13       | Trần Thiện Khoa                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 1.14       | Trần Bảo Khoa                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              | Còn nhỏ<br>Chưa có CCCD<br>Still young/No ID yet                                                                                                           |
| 1.15       | Trần Trịnh Khánh Linh                                  |                                                                                       | Không/Nil                                                                     |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                              | Còn nhỏ<br>Chưa có CCCD<br>Still young/No ID yet                                                                                                           |
| 1.16       | Công ty TNHH TC Tower                                  |                                                                                       |                                                                               | 0313019898                  | 31/10/2014                | Sở KHĐT TP. HCM           | 37 Tây Thạnh, P.Tây Thạnh, Tp.HCM                | 0                                                                                    | 0                                                                                              | Ông Trần Như Tùng là Chủ<br>tịch HĐQT, đại diện theo<br>pháp luật<br>Mr. Tran Nhu Tung is<br>Chairman of the Member<br>Council cum Legal<br>Representative |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available)                              | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue    | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                     | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                                                                                           |
|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                     | 4                                                                                                      | 5                           | 6                         | 7                            | 8                                                                                                    | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                                                                                                                         |
| 1.17       | Công ty TNHH TC Commerce                               |                                                                                       |                                                                                                        | 0316806269                  | 13/4/2021                 | Sở KHDĐT TP. HCM             | 911 đường Trường Chinh, Phường Tây<br>Thanh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                         | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Trần Như Tùng là Chủ<br>tịch HĐQT, Đại diện theo<br>pháp luật<br>Mr. Tran Nhu Tung is<br>Chairman of the Member<br>Council cum Legal<br>Representative |
| 2          | Park Heung Su                                          |                                                                                       | Phó Chủ tịch, Thành viên độc<br>lập HĐQT/Vice Chairman,<br>Independent Member of Board<br>of Directors |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 2.01       | Park Giwang Ryeol                                      |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                       |
| 2.02       | Kim Jin Soon                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                       |
| 2.03       | Jo In Hwan                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                       |
| 2.04       | Park Yang Deuk                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                       |
| 2.05       | Park Jeong Bae                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                       |
| 2.06       | Cho Yeon Im                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 2.07       | Park Ji Yeon                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 2.08       | Park Ji Myung                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 2.09       | Công ty TNHH<br>Kotiti Việt Nam/<br>Kotiti Vietnam Ltd |                                                                                       |                                                                                                        | 0312381417                  | 11/07/2013                | Sở KHDĐT TP. HCM<br>DPI HCMC | Lô A4a, Đường 19c, Khu E-Office Park,<br>Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân<br>Thuận, TP Hồ Chí Minh | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Park Heung Su là Giám<br>đốc/Mr. Park Heung Su is<br>Director                                                                                          |
| 3          | Lee Eun Hong                                           |                                                                                       | Thành viên HĐQT<br>Member of BOD                                                                       |                             |                           |                              |                                                                                                      | 12                                                                                  | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 3.01       | Lee Yeo Ha                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất<br>Pass away                                                                                                                                        |
| 3.02       | Lee Byung Seon                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất<br>Pass away                                                                                                                                        |
| 3.03       | Ahn Suk Kyu                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất<br>Pass away                                                                                                                                        |
| 3.04       | Cho Young Soon                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                       |
| 3.05       | Lee Eun Kyo                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                       |
| 3.06       | Ahn Suk Syung                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 3.07       | Lee Hye Sun                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 3.08       | Lee Hye Rim                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                              |                             |                           |                              |                                                                                                      | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                            |
| 3.09       | Công ty E-land Asia Holdings<br>Pte., Ltd              |                                                                                       |                                                                                                        | CA2946                      | 04/05/2009                | Singapore                    | 1 Harbourfront Avenue, # 14-07 Keppel Bay<br>Tower, Singapore (098632                                | 52,677,876                                                                          | 46.98%                                                                                         | Ông Lee Eun Hong là Giám<br>đốc, đại diện phần vốn góp<br>Mr. Lee Eun Hong is a<br>Director, capital<br>representative                                     |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual       | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available)                                                                                                                     | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address                   | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                                 |
|------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                            | 3                                                                                     | 4                                                                                                                                                                                             | 5                           | 6                         | 7                         | 8                                                                  | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                                                               |
| 3.10       | Công ty cổ phần hợp tác kinh tế<br>và xuất nhập khẩu Savimex |                                                                                       |                                                                                                                                                                                               | 0302317892                  | 28/05/2001                | Sở KHĐT TPHCM             | 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành,<br>TP Hồ Chí Minh           | 3,364,940                                                                           | 3%                                                                                             | Ông Lee Eun Hong là Chủ<br>tịch HĐQT<br>Mr. Nguyen Van Nghia is<br>Chairman of the Board         |
| 4          | Nguyễn Minh Hào                                              |                                                                                       | Thành viên HĐQT kiêm Giám<br>đốc Tài chính kiêm người ủy<br>quyền công bố thông tin<br>Member of the Board cum<br>Chief Financial Officer cum<br>authorized person to disclose<br>information |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.01       | Nguyễn Lương Xuân                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất<br>Passed away                                                                            |
| 4.02       | Nguyễn Thị Thi                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin<br>CCCD No ID information<br>provided                                   |
| 4.03       | Phạm Đình Hiến                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất<br>Passed away                                                                            |
| 4.04       | Nguyễn Thị Huệ                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất<br>Passed away                                                                            |
| 4.05       | Nguyễn Minh Phương                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.06       | Đinh Tấn Tường                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.07       | Nguyễn Minh Châu                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.08       | Vu Sy Dzu                                                    |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.09       | Nguyễn Minh Hằng                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.10       | Hồ Minh Hiếu                                                 |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.11       | Nguyễn Lương Triết                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.12       | Võ Phan Diễm Hương                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.13       | Nguyễn Lương Trí                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.14       | Đặng Thị Kiều Vân                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.15       | Phạm Đình Khải                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.16       | Phạm Nguyễn Minh Khuê                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.17       | Phạm Nguyễn Minh Khai                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                                                                                                     |                             |                           |                           |                                                                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                  |
| 4.18       | Công ty TNHH TC Commerce                                     |                                                                                       |                                                                                                                                                                                               | 0316806269                  | 13/4/2021                 | Sở KHĐT TP. HCM           | 911 đường Trương Chính, Phường Tây<br>Thanh, Thành phố Hồ Chí Minh |                                                                                     |                                                                                                | Bà Nguyễn Minh Hào là<br>thành viên HĐQT<br>Ms. Nguyen Minh Hao is a<br>member of Member Council |
| 5          | Nguyễn Văn Nghĩa                                             |                                                                                       | Thành viên Hội đồng quản trị<br>Member of Board of Directors                                                                                                                                  |                             |                           |                           |                                                                    | 11,209,338                                                                          | 9.99%                                                                                          |                                                                                                  |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual       | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available) | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                                                       |
|------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                            | 3                                                                                     | 4                                                                         | 5                           | 6                         | 7                         | 8                                                                        | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                                                                                     |
| 5.01       | Nguyễn Thị Dung                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                   |
| 5.02       | Phạm Hữu Chương                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.03       | Nguyễn Thị Chi                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                   |
| 5.04       | Nguyễn Thị Hợp                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.05       | Đỗ Đình Huy                                                  |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.06       | Nguyễn Thị Hải                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.07       | Nguyễn Thị Tinh                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.08       | Nguyễn Hữu Nghị                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.09       | Nguyễn Thị Kim Thanh                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.10       | Nguyễn Ngọc Thoan                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.11       | Nguyễn Văn Tâm                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.12       | Trương Thị Thúy Vinh                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.13       | Phạm Thị Hồng Nhung                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5.14       | Nguyễn Minh Tuấn                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                                          | 260,387                                                                             | 0.23%                                                                                          |                                                                                                                        |
| 5.15       | Công ty TNHH Thương mại<br>Xây dựng Vạn tại Thanh Long       |                                                                                       |                                                                           | 0304133227                  | 12/12/2005                | Sở KHĐT TP. HCM           | Số 1, Đường 14D, Khu dân cư Vĩnh Lộc,<br>Phường Bình Tân, TP Hồ Chí Minh | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Nguyễn Văn Nghĩa là<br>Chủ tịch Hội đồng thành viên<br>Mr. Nguyen Van Nghia is a<br>President of Member<br>Council |
| 5.16       | Công ty cổ phần Lizen                                        |                                                                                       |                                                                           | 0302310209                  | 02/06/2006                | Sở KHĐT TP. HCM           | 24A Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, TP<br>Hồ Chí Minh                    | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Nguyễn Văn Nghĩa là<br>thành viên HĐQT<br>Mr. Nguyen Van Nghia is a<br>member of the Board                         |
| 5.17       | Công ty cổ phần Tasa Group                                   |                                                                                       |                                                                           | 2600896511                  | 19/12/2013                | Sở KHĐT tỉnh Phú Thọ      | Lô B2 và Lô B3, Khu Công Nghiệp Thụy<br>Văn, Phường Nông Trang, Phú Thọ  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Nguyễn Văn Nghĩa là<br>chủ tịch HĐQT<br>Mr. Nguyen Van Nghia is a<br>Chairman of the Board                         |
| 5.18       | Công ty cổ phần cơ khí xây<br>dựng Amec                      |                                                                                       |                                                                           | 0200786983                  | 01/02/2008                | Sở KHĐT – Hải Phòng       | Km 35 quốc lộ 10, Xã An Quang, TP Hải<br>Phòng                           | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Nguyễn Văn Nghĩa là<br>chủ tịch HĐQT<br>Mr. Nguyen Van Nghia is a<br>Chairman of the Board                         |
| 5.19       | Công ty cổ phần hợp tác kinh tế<br>và xuất nhập khẩu Savimex |                                                                                       |                                                                           | 0302317892                  | 28/05/2001                | Sở KHĐT TPHCM             | 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành,<br>TP Hồ Chí Minh                 | 3,364,940                                                                           | 3%                                                                                             | Ông Nguyễn Văn Nghĩa là<br>thành viên HĐQT<br>Mr. Nguyen Van Nghia is a<br>member of the Board                         |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available)              | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address      | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                                                                                                    |
|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                     | 4                                                                                      | 5                           | 6                         | 7                         | 8                                                     | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                                                                                                                                  |
| 6          | Đinh Tấn Tường                                         |                                                                                       | Thành viên độc lập Hội đồng<br>quản trị<br>Independent Member of Board<br>of Directors |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.01       | Đinh Bài                                               |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất/Pass away                                                                                                                                                    |
| 6.02       | Bùi Thị Hiền Thu                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.03       | Nguyễn Lương Xuân                                      |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất/Pass away                                                                                                                                                    |
| 6.04       | Nguyễn Thị Thi                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.05       | Đinh Gia Bảo                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.06       | Trần Thị Kim Thu                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.07       | Đinh Phương Duy                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.08       | Nguyễn Thị Bích Hồng                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.09       | Đinh Thị Ái Liên                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.10       | Nguyễn Văn Phước                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.11       | Đinh Thành An                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.12       | Nguyễn Thị Đặng                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.13       | Đinh Thị Quỳnh Liên                                    |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.14       | Võ Văn Hải                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.15       | Đinh Thành Cung                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.16       | Nguyễn Thị Hồng Hà                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.17       | Nguyễn Minh Phương                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.18       | Đinh Tấn Lộc                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.19       | Đinh Thị Minh Phước                                    |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 6.20       | Công Ty TNHH Kiểm Toán Sao<br>Việt                     |                                                                                       |                                                                                        | 0304457750                  | 17/07/2006                | Sở KHĐT TP. HCM           | 386/51 Lê Văn Sĩ, Phường Nhiêu Lộc, TP<br>Hồ Chí Minh | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Đinh Tấn Tường là Phó<br>Tổng Giám đốc và sở hữu<br>5.5% vốn điều lệ<br>Mr. Đinh Tấn Tường is a<br>Deputy General Director<br>and owned 5.5% charter<br>capital |
| 7          | Kim Jong Gak                                           |                                                                                       | Thành viên độc lập<br>HĐQT/Independent Member<br>of Board of Directors                 |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |
| 7.01       | Kim Sung Kon                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                              |                             |                           |                           |                                                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                     |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual         | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available) | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address                              | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                 |
|------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                              | 3                                                                                     | 4                                                                         | 5                           | 6                         | 7                           | 8                                                                             | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                                               |
| 7.02       | Cho Hyea Yea                                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 7.03       | Joo Kyung Bo                                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 7.04       | Cho Mang Soon                                                  |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 7.05       | Joo Eun Yong                                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 7.06       | Kim Hun Soo                                                    |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 7.07       | Kim Ji Hun                                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 7.08       | Công ty TNHH Việt Hàn Thời<br>Điểm/<br>Viet Han Times Co., Ltd |                                                                                       |                                                                           | 0314594259                  | 23/08/2017                | Sở KHĐT TP. HCM<br>DPI HCMC | Tầng 7, tòa nhà IPC, 1489 Nguyễn Văn<br>Linh, Phường Tân Hưng, TP Hồ Chí Minh | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Kim Jong Gak là Giám<br>đốc điều hành/Mr. Kim Jong<br>Gak is CEO             |
| 7.09       | Công ty TNHH Seodon<br>Partners/<br>Seodon Partners Co., Ltd   |                                                                                       |                                                                           | 0309920877                  | 19/03/2010                | Sở KHĐT TP. HCM<br>DPI HCMC | Tầng 3, số 9 đường Lê Thước, khu phố 1,<br>Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh    | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Kim Jong Gak là Giám<br>đốc điều hành/Mr. Kim Jong<br>Gak is CEO             |
| 8          | Kim Soung Gyu                                                  |                                                                                       | Thành viên HĐQT không điều<br>hành<br>Non-Executive BOD                   |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 8.01       | Kim Dong Chul                                                  |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                             |
| 8.02       | Yu Eun Hyoung                                                  |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                             |
| 8.03       | Hong Hyunju                                                    |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 8.04       | Kim Ye Joon                                                    |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 8.05       | Kim Ye Won                                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                             |                                                                               | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                  |
| 8.06       | Công ty Cổ phần Trung tâm Y<br>khoa Thành Công                 |                                                                                       |                                                                           | 0305253809                  | 5/10/2007                 | Sở KHĐT TP. HCM             | 36 Đường Tây Thạnh, Tây Thạnh, Thành<br>phố Hồ Chí Minh                       | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Kim Soung Gyu là<br>Thành viên HĐQT<br>Mr. Kim Soung Gyu is<br>member of BOD |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual    | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available)                                        | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address                       | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                                                                                                                       |
|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                         | 3                                                                                     | 4                                                                                                                | 5                           | 6                         | 7                         | 8                                                                      | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                                                                                                                                                     |
| 8.07       | Công ty TNHH Noel Vina                                    |                                                                                       |                                                                                                                  | 6001572314                  | 18/04/2017                | Sở KHĐT tỉnh Đắk Lắk      | 229 buôn Ea Khít A, Xã Ea Ktur, Đắk Lắk                                | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Kim Soung Gyu là Giám đốc, Đại diện theo pháp luật<br>DMr. Kim Soung Gyu is<br>Director, Legal<br>representative.                                                                  |
| 8.08       | Công ty Cổ phần ELVINA                                    |                                                                                       |                                                                                                                  | 0317262244                  | 22/04/2022                | Sở KHĐT TP. HCM           | R4-51 Đường Mỹ Toàn 2, Phú Mỹ Hưng,<br>Phường Tân Hưng, TP Hồ Chí Minh | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Kim Soung Gyu là Tổng Giám đốc, Đại diện theo pháp luật và sở hữu 70.1% vốn điều lệ<br>Mr. Kim Soung Gyu is General Director, Legal representative and owned 70.1% charter capital |
| 9          | SONG JAE HO                                               |                                                                                       | Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc/<br>Executive member of the Board of Directors cum General Director |                             |                           |                           |                                                                        | 1                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.1        | Song Moon Young                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.2        | Lee Won Do                                                |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.3        | Kim In Ja                                                 |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.4        | Park Min Kyoung                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.5        | Song Seung Woo                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.6        | Song Chang Woo                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.7        | Song Min Seo                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 9.8        | Công ty cổ phần hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu Savimex |                                                                                       |                                                                                                                  | 0302317892                  | 28/05/2001                | Sở KHĐT TPHCM             | 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh                  | 3,364,940                                                                           | 3%                                                                                             | Ông Song Jae Ho là thành viên HĐQT<br>Mr. Song Jae Ho is a member of the Board                                                                                                         |
| 10         | Phạm Thị Thanh Thủy                                       | 302177<br>336868                                                                      | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant                                                                               |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 10.01      | Trần Quốc Tuấn                                            | 3021621                                                                               | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 10.02      | Trần San Thi                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 10.03      | Trần Quốc Tín                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin ngày cấp CCCD/ No date of issuance information provided                                                                                                       |
| 10.04      | Nguyễn Thị Ráng                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |
| 10.05      | Triệu Thị Bạch                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                                                        |                             |                           |                           |                                                                        | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available) | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                     | 4                                                                         | 5                           | 6                         | 7                         | 8                                                | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 10.06      | Trần Văn Ba                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất/Pass away                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 10.07      | Phạm Đăng Trí                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10.08      | Nguyễn Thị Ngọc Dung                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10.09      | Phạm Thị Thanh Thảo                                    |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10.10      | Phạm Thị Thanh Tuyền                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10.11      | Nguyễn Vĩnh Lộc                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10.12      | Phạm Đăng Trí Hùng                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10.13      | Chung Thủy Như Anh                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 11         | Kim Myeong Rae                                         |                                                                                       | Người đứng đầu chi nhánh<br>Vinh Long/Head of Vinh Long<br>Branch         |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 11.1       | Kim Ta Oh                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                                                                                                                                                           |
| 11.2       | Lee Sang Nam                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                                                                                                                                                           |
| 11.3       | Kim Man Su                                             |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                                                                                                                                                           |
| 11.4       | Kwon Aeng                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided                                                                                                                                                                                                                                           |
| 11.5       | Kim Se Young                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 11.6       | Kim Ji Scop                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 11.7       | Kim Ji Ah                                              |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 12         | KIM OKTAE                                              |                                                                                       | Tổng quản lý kinh doanh nội<br>địa/ Domestic Sales General<br>Director    |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Người nội bộ<br>Internal person<br>Chức danh cho HĐQT bổ<br>nhiệm: Giám đốc của công ty<br>con<br>Position appointed by BOD:<br>Director of subsidiary<br>Chức danh do TGDĐ bổ<br>nhiệm: Tổng quản lý kinh<br>doanh nội bộ<br>Position appointed by CEO:<br>Domestic sales General<br>Director |
| 12.1       | KIM YOONSUB                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 12.2       | MOON SUNSOOK                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available)      | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue     | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address                                            | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                             |
|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                     | 4                                                                              | 5                           | 6                         | 7                             | 8                                                                                           | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                                           |
| 12.3       | KIM HYEONTAE                                           |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 12.4       | Đoàn Quang Chuẩn                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 12.5       | Võ Thị Ánh Nguyệt                                      |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 12.6       | Đoàn Diệu Ái Mỹ                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 12.7       | Công ty TNHH TC Commerce<br>TC Commerce Co., Ltd       |                                                                                       |                                                                                | 0316806269                  | 13/04/2021                | Sở KHĐT TP.HCM<br>DPI of HCMC | 911 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, TP.HCM<br>911, Truong Chinh Street, Tay Thanh Ward,<br>HCMC | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Ông Kim Ok Tae là Giám<br>đốc<br>Mr. Kim Ok Tae is Director  |
| 13         | Nguyễn Đức Thanh                                       |                                                                                       | Người đứng đầu chi nhánh Xi<br>nhiệt Đan/ Head of branch -<br>Knitting Factory |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.01      | Nguyễn Đức Hải                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất/ Passed away                                          |
| 13.02      | Mai Thị Phiếu                                          |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.03      | Nguyễn Đức Thụy                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin/<br>No information provided         |
| 13.04      | Nguyễn Đức Hùng                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.05      | Nguyễn Đức Hiền                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.06      | Lê Thị Uyên                                            |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.07      | Nguyễn Thị Linh Hương                                  |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.08      | Nguyễn Thị Bích Thủy                                   |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.09      | Nguyễn Thanh Bình                                      |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.1       | Nguyễn Thế Dân                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Không cung cấp thông tin<br>CCCD/ No information<br>provided |
| 13.11      | Nguyễn Đức Thắng                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.12      | Nguyễn Thị Thanh                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.13      | Nguyễn Minh Thế                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.14      | Nguyễn Thị Dung                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.15      | Trang Thị Thủy Vân                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                              |
| 13.16      | Trang Thành Lập                                        |                                                                                       | Không/Nil                                                                      |                             |                           |                               |                                                                                             | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất/ Passed away                                          |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if available)</i>                                                                                     | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percent age of shares owned at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Notes</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                             | 3                                                                                      | 4                                                                                                                                                                 | 5                        | 6                                | 7                                | 8                                                       | 9                                                                                    | 10                                                                                           | 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 13.17      | Lê Thị Liên                                                   |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 13.18      | Nguyễn Trang Minh Anh                                         |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 13.19      | Nguyễn Trang Minh Đăng                                        |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            | Còn nhỏ<br>Chưa có CCCD<br><i>Still young.No ID yet</i>                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 14         | Han Kwang Taek                                                |                                                                                        | Giám đốc đầu tư chiến lược/<br><i>ISD Director</i>                                                                                                                |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            | Người nội bộ<br><i>Internal person</i><br>Chức danh cho HĐQT bổ nhiệm: đại diện phần vốn góp trong công ty con<br><i>Position appointed by BOD: representative of capital contribution in subsidiary</i><br>Chức danh do TGDĐ bổ nhiệm: Giám đốc đầu tư chiến lược<br><i>Position appointed by CEO: ISD Director</i> |
| 14.1       | Shin Dong Ryool                                               |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14.2       | Woo Dong Sik                                                  |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14.3       | Kang Sung Suk                                                 |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14.4       | Han Dong Taek                                                 |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14.5       | Woo Saetbyeol                                                 |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14.6       | Han Eunk Yeol                                                 |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 15         | Ngô Thị Quỳnh Mai                                             |                                                                                        | Trưởng phòng Pháp chế, Thư ký Công ty kiểm Người phụ trách quản trị Công ty/ <i>Legal Manager, Secretary of Company and Person in charge corporate governance</i> |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 15.1       | Ngô Văn Cao Nguyễn                                            |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 15.2       | Nguyễn Thị Thanh Lan                                          |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 15.3       | Nguyễn Bà Thuật                                               |                                                                                        | Không/ <i>Nil</i>                                                                                                                                                 |                          |                                  |                                  |                                                         |                                                                                      |                                                                                              | Đã mất/ <i>Passed away</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the company (if<br>available) | Số Giấy NSH (*)/ NSH<br>No. | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percent age of shares<br>owned at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Notes                                 |
|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                      | 3                                                                                     | 4                                                                         | 5                           | 6                         | 7                         | 8                                                | 9                                                                                   | 10                                                                                             | 11                                               |
| 15.4       | Nguyễn Thị Thu                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                  |
| 15.5       | Ngô Thị Quỳnh Liên                                     |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Đã mất/Passed away                               |
| 15.6       | Trương Việt Linh                                       |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                  |
| 15.7       | Ngô Hoàng Nhân                                         |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                  |
| 15.8       | Nguyễn Bá Thành Chương                                 |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              |                                                  |
| 15.9       | Nguyễn Minh Trang                                      |                                                                                       | Không/Nil                                                                 |                             |                           |                           |                                                  | 0                                                                                   | 0                                                                                              | Còn nhỏ<br>Chưa có CCCD<br>Still young.No ID yet |

Ghi chú: Phông chữ Times New Roman, cột CMND, căn cước/Giấy ĐKKD ghi dữ liệu text để tránh mất số 0, cột ngày định dạng theo ví dụ, cột STT định dạng theo ví dụ.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN NHƯ TÙNG

THÀNH